

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN
Số: 646 /CBTT-ĐĐTMM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 26 tháng 4 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin: Mã CK: VTM
Trụ sở chính: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, Tổ 16, Khu Tây Sơn 2, Phường
Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0203 3862343

Fax: 0203 3864038

Người thực hiện công bố thông tin: VŨ ĐỨC LONG

Địa chỉ: Thư ký công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0902108866

Fax: 0203.3864038

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

* Tài liệu kèm theo:

- Biên bản, Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
Quyết định chia cổ tức năm 2022 và các tài liệu Đại hội.

**Người được ủy quyền thực hiện
công bố thông tin**



Vũ Đức Long



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

- Thời gian tổ chức ĐH : 08h30ph ngày 26 tháng 4 năm 2023 (thứ Tư)
- Địa điểm tổ chức ĐH : Tại Văn phòng Công ty: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

| TT | THỜI GIAN | NỘI DUNG | NGƯỜI THỰC HIỆN |
|----|---------------|--|--|
| 1 | 08h00'-08h30' | Đăng ký cổ đông, phát thẻ biểu quyết | Phòng TC-HC |
| 2 | 08h30'-08h35' | Ôn định chào cờ, giới thiệu đại biểu | Trưởng phòng TC-HC |
| 3 | 08h35'-08h40' | - Khai mạc Đại hội; - Bầu Chủ tọa ĐH, Ban kiểm phiếu ĐH, Ban kiểm tra tư cách cổ đông; Cử Thư ký Đại hội, tổ giúp việc Đại hội. | Ô. Nguyễn Trọng Tốt, Chủ tịch HĐQT Chủ tọa ĐH |
| 4 | 08h40'-08h45' | Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông | Trưởng ban |
| 5 | 08h45'-08h55' | Trình bày Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội | Trưởng phòng TC-HC |
| | | Biểu quyết thông qua Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội | Ô. Nguyễn Trọng Tốt, Chủ tịch HĐQT |
| 6 | 08h55'-10h00' | Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022- Nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023. | Ô. Vũ Mạnh Dũng Giám đốc công ty |
| | | - Báo cáo Tài chính tóm tắt đã được kiểm toán năm 2022; - Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2022. | Ô. Đỗ Thanh Tùng Kế toán trưởng |
| | | - Báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với doanh nghiệp và người có liên quan. | Ô. Nguyễn Ngọc Hưng Phó TP phụ trách P. KH |
| | | - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của HĐQT; - Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao đối với HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2022-Đề xuất tiền lương, thù lao đối với HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2023; - Báo cáo đề nghị phê chuẩn kết quả kiện toàn nhân sự HĐQT công ty nhiệm kỳ 2021-2026. | Ô. Lương Văn Hiếu Thành viên HĐQT chuyên trách |
| 7 | 10h00'-10h30' | - Báo cáo của BKS về thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty; - Báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát năm 2022; Báo cáo hoạt động năm 2022 của BKS- Phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của BKS. | Ô. Phạm Xuân Phong Trưởng ban Kiểm soát |

ly

| | | | |
|--|---------------|--|--|
| | | - Tờ trình của BKS lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023; | |
| 8 | 10h30'-10h40' | Nghỉ giải lao | |
| 9 | 10h40'-11h10' | <p>A. Thảo luận các nội dung và trả lời kiến nghị của cổ đông:</p> <p>B. Biểu quyết các nội dung:</p> <p>1. Thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022- Kế hoạch SXKD năm 2023.</p> <p>2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.</p> <p>3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.</p> <p>4. Thông qua báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.</p> <p>5. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của HĐQT.</p> <p>6. Thông qua Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao đối với HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2022- Mức tiền lương, thù lao đối với HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2023;</p> <p>7. Thông qua báo cáo đề nghị phê chuẩn kết quả kiện toàn nhân sự HĐQT công ty nhiệm kỳ 2021-2026;</p> <p>8. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát năm 2022. Báo cáo hoạt động năm 2022 của BKS-Phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của BKS;</p> <p>9. Thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023.</p> | <p>Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung</p> <p>Ô. Nguyễn Trọng Tốt, Chủ tịch HĐQT Chủ tọa ĐH</p> |
| 10 | 11h10'-11h20' | 10. Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. | Thư ký Đại hội |
| | | 11. Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. | Ô. Nguyễn Trọng Tốt, Chủ tịch HĐQT Chủ tọa ĐH |
| 11 | 11h20' | Tuyên bố kết thúc Đại hội | " |
| BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023 | | | |



ly

Cầm Phả, ngày 26 tháng 4 năm 2023

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ-VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sửa đổi bổ sung thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Ban chỉ đạo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ-Vinacomin ban hành Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

I. MỤC TIÊU ĐẠI HỘI

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, công bằng.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đúng quy định và đạt kết quả tốt.

II. TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phải có đủ các điều kiện sau:

1. Điều kiện tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ-Vinacomin theo danh sách chốt đến ngày 16/3/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho Công ty hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội xuất trình cho Ban tổ chức Đại hội các giấy tờ sau:

- Giấy Chứng minh nhân dân/ căn cước công dân/ Hộ chiếu (có hiệu lực);
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự Đại hội được phát 01 bộ tài liệu Đại hội, 01 Thẻ biểu quyết màu xanh, 01 Phiếu biểu quyết màu hồng, trong đó:

- Thẻ biểu quyết màu xanh (Bao gồm các nội dung: Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (Sở hữu và/hoặc được ủy quyền)).

- Phiếu biểu quyết màu hồng (bao gồm các nội dung: Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền); nội dung cần biểu



ly

quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

- Cổ đông kiểm tra tài liệu Đại hội, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, nếu có vướng mắc kịp thời có ý kiến với Ban tổ chức Đại hội để được giải quyết.

c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

d) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

e) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

III. AN NINH, TRẬT TỰ, PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH TẠI ĐẠI HỘI

1. Cổ đông tham dự Đại hội phải thực hiện đúng các nội quy qui định của Công ty và của Ban tổ chức Đại hội. Khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.

2. Không mang và sử dụng các vật nguy hiểm, chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy, không hút thuốc trong phòng Đại hội.

3. Trang phục dự Đại hội: Trang trọng, lịch sự, không đi dép lê, đội mũ vào dự Đại hội.

4. Trong thời gian tiến hành Đại hội: Các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự; không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động.

5. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, các cá nhân tham dự Đại hội phải tuân thủ các yêu cầu của ngành Y tế, cơ quan quản lý địa phương và các qui định của Công ty về phòng chống dịch.

IV. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

1. Điều kiện tiến hành Đại hội: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm ngày 16/3/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho Công ty.

2. Cách thức biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội:

a) Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của tất cả các cổ đông theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

b) Cách thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết thông qua một vấn đề (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) bằng cách giơ thẻ biểu quyết (màu xanh), thực hiện giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội, đồng thời tích vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết (màu hồng).

177
HỘI
CỔ PHẦN
SI VÀI
THO
VINAC
HA

3. Một số vấn đề khác cổ đông thực hiện giơ Thẻ biểu quyết (*màu xanh*) theo hướng dẫn của Chủ tọa để biểu quyết (*tán thành, không tán thành, hoặc không có ý kiến*), cụ thể:

a) Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu và thông qua Chương trình Đại hội;

b) Các nội dung khác theo diễn biến thực tế, cổ đông tuân theo điều hành của Chủ tọa Đại hội.

V. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải đăng ký phát biểu với Ban tổ chức Đại hội và phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội trước khi phát biểu.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban tổ chức Đại hội.

VI. CHỦ TỌA ĐẠI HỘI VÀ CÁC BỘ PHẬN GIÚP VIỆC ĐẠI HỘI

1. Chủ tọa Đại hội: Chủ tọa Đại hội theo quy định tại Điều lệ Công ty; Chủ tọa là người chủ trì Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c) Trình những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình Đại hội.

3. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội: Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm ngày 16/3/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho Công ty; phát tài liệu đại hội và Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết; báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

4. Ban kiểm phiếu Đại hội: Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa Đại hội đề cử. Căn cứ kết quả kiểm phiếu biểu quyết của các cổ đông (*phiếu biểu quyết màu hồng*) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm Lập biên bản kiểm phiếu các báo cáo, tờ trình trong chương trình nghị sự tại Đại hội. Tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu đọc, hiểu và nhất trí với nội dung của Biên bản kiểm phiếu. Đại diện Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội. Ban kiểm

G-C
 ĐẠI
 HỘI
 2023

phiếu bàn giao lại toàn bộ các Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và Biên bản kiểm phiếu cho Thư ký Đại hội.

5. Thư ký Đại hội: Thư ký Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa Đại hội đề cử. Thư ký ĐH thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c) Tiếp nhận phiếu kiến nghị của cổ đông, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết của cổ đông và Biên bản kiểm phiếu.

6. Tổ giúp việc Đại hội:

a) Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các nội dung thông qua tại Đại hội.

b) Báo cáo kịp thời kết quả biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội.

c) Giúp việc Thư ký Đại hội, thực hiện các công việc khác theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

VII. BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu liên quan được Thư ký công ty lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty biểu quyết thông qua. Là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức Đại hội. Các cổ đông, các tổ chức, cá nhân có liên quan tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. /.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu VT, HĐQT

**TM. BAN CHỈ ĐẠO ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Trọng Tốt



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/BB-ĐHĐCĐ-2023

Cẩm Phá, ngày 26 tháng 4 năm 2022

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin: Trụ sở chính tại Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phá, tỉnh Quảng Ninh. Mã số doanh nghiệp: 5700477326 do phòng Đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Đăng ký lần đầu: ngày 22/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 7: ngày 04/01/2023.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin được khai mạc trọng thể vào hồi 08 h00ph ngày 26/4/2022 tại Phòng họp số 1, văn phòng Công ty: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phá, tỉnh Quảng Ninh. Tham dự Đại hội có 5/5 cổ đông, đại diện cho 3.195.853 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 97,44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Ông Nguyễn Trọng Tốt, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty là người đại diện phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam sở hữu 3.123.809 cổ phần chiếm tỷ lệ 95, 24% số cổ phần của Công ty được Đại hội bầu là Chủ tọa đại hội. Đại hội bầu Ban kiểm tra tư cách cổ đông, bầu Ban kiểm phiếu Đại hội. Chủ tọa Đại hội đã cử ông Vũ Đức Long làm thư ký Đại hội.

Đại hội đã tiến hành theo trình tự sau:

I. Công tác tổ chức:

1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông

Ông Trần Đình Lực, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.

- Tại thời điểm 08h35' ngày 26/4/2023 tổng số cổ đông tham dự Đại hội có 05 (năm) cổ đông, đại diện cho 3.195.853 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 97,44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Sau khi kiểm tra 05 (năm) cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội theo quy định.

- Ông Nguyễn Trọng Tốt, Chủ tọa Đại hội tuyên bố Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin hợp lệ và tổ chức điều hành Đại hội theo luật định.

2. Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc Đại hội

a) Ông Nguyễn Việt Hưng, trình bày: Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội. 



b) Đại hội tiến hành biểu quyết Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội. Tổng số phiếu đồng ý là: 05 phiếu (năm), đại diện cho 3.195.853 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

II. Phần trình bày các báo cáo tại Đại hội

1. Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022-Nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 (có báo cáo kèm theo).

2. Báo cáo Tài chính tóm tắt đã được kiểm toán năm 2022 (có báo cáo kèm theo).

3. Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2022 (có báo cáo kèm theo).

4. Báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan (có báo cáo kèm theo).

5. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022-Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của HĐQT (có báo cáo kèm theo).

6. Báo cáo tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS), Người quản lý năm 2022-Đề xuất mức tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2023 (có báo cáo kèm theo).

7. Báo cáo đề nghị Phê chuẩn kết quả kiện toàn nhân sự HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 (có Tờ trình kèm theo).

8. Báo cáo của BKS thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 do công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 (có báo cáo kèm theo).

9. Báo cáo của BKS về kết quả thực hiện việc kiểm soát năm 2022. Báo cáo hoạt động năm 2022 của BKS-Phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của BKS.

10. Tờ trình của BKS về đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (có Tờ trình kèm theo).

III. Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết các nội dung sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022-Nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023.

Sau khi nghe ông Vũ Mạnh Dũng-Thành viên HĐQT-Giám đốc Công ty trình bày báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022-Nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Kết quả SXKD năm 2022

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2022 | Thực hiện năm 2022 | % |
|-----------|-------------------|----------------|----------------|--------------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5/4 |
| I | Sản lượng | | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 5.250.000 | 5.004.866 | 95,33 |
| 2 | TKm chở công nhân | TKm | 26.500.000 | 27.877.215 | 105,2 |
| 3 | KM vận hành | Km | 11.000.000 | 11.327.751 | 130,0 |
| II | Doanh thu | Tr.Đồng | 280.000 | 337.092 | 120,39 |

570041
CÔNG
CÓ PH
TẠI VÀI
THỜI
VIACQ
TIA - T.C

ly

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2022 | Thực hiện năm 2022 | % |
|-------------|-----------------------------|-------------------------|----------------|--------------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5/4 |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 260.000 | 304.634 | 117,17 |
| 2 | Sửa chữa xe | " | 18.000 | 29.122 | 161,79 |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | 3.336 | 166,8 |
| III | Chi phí | " | 274.900 | 331.882 | 120,73 |
| IV | Lợi nhuận TT | " | 5.100 | 5.210 | 102,16 |
| V | Lao động BQ | Người | 745 | 717 | 96,24 |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/ ng.th | 8.950 | 10.302 | 115,11 |
| VII | Trả cổ tức (dự kiến) | % | ≥4 | 4 | |
| VIII | Đầu tư xây dựng | Tr.Đồng | 63.074 | 58.569 | 92,85 |

2. Kế hoạch SXKD năm 2023:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2023 | Ghi chú |
|-------------|-----------------------------|--------------------|----------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I | Sản lượng | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 4.300.000 | |
| 2 | TKm chở công nhân | TKm | 30.000.000 | |
| 3 | KM vận hành | Km | 11.000.000 | |
| II | Doanh thu | Tr.Đồng | 294.000 | |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 272.000 | |
| 2 | Sửa chữa xe | " | 20.000 | |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | |
| III | Chi phí | " | 288.800 | |
| IV | Lợi nhuận TT | " | 5.200 | |
| V | Lao động BQ | Người | 745 | |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/ng.th | 9.389 | |
| VII | Trả cổ tức (dự kiến) | % | ≥ 4 | |
| VIII | Đầu tư xây dựng | Tr.Đồng | 40.900 | |

3. Kế hoạch sử dụng lao động năm 2023:

- Lao động định mức: 745 người, trong đó:
 - + Người quản lý công ty: 05 người
 - + Người lao động: 740 người
- Lao động tuyển mới: 30 người.



4. Kế hoạch trả cổ tức năm 2023: Dự kiến $\geq 4\%$ / vốn Điều lệ

Căn cứ KHSXKD năm 2023:

- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế: 5,2 tỷ đồng
- Dự kiến lợi nhuận sau thuế: 4,16 tỷ đồng
- Dự kiến chi trả cổ tức: 1,312 tỷ đồng (Tương ứng 4%);
- Dự kiến còn lại chi các quỹ: 2,848 tỷ đồng

Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, tùy theo điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn trong sản xuất thì được quyền quyết định điều chỉnh tăng, giảm các chỉ tiêu SXKD nhằm đảm bảo hiệu quả lợi ích của cổ đông và Công ty.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

- Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, tùy theo điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn trong sản xuất thì được quyền quyết định điều chỉnh tăng, giảm các chỉ tiêu SXKD nhằm đảm bảo hiệu quả lợi ích của cổ đông và Công ty.

- Ý kiến khác phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022, nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023 với các chỉ tiêu chính trên.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 1 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 2: Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Sau khi nghe ông Đỗ Thanh Tùng-Kế toán trưởng Công ty trình bày Báo cáo Tài chính tóm tắt đã được kiểm toán năm 2022. Ông Phạm Xuân Phong-Trưởng ban Kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 do công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đúng theo quy định của pháp luật và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu. 



- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 2 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 3: Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022.

Sau khi nghe ông Đỗ Thanh Tùng-Kế toán trưởng Công ty trình bày Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2022 như sau:

| | |
|---|---------------------------|
| 1. Lợi nhuận kế toán trước thuế | 5.210.168.833 đồng |
| 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.102.207.462 đồng |
| 3. Lợi nhuận sau thuế (3=1-2) | 4.107.961.371 đồng |
| 4. Dự kiến phân phối lợi nhuận còn lại | 4.107.961.371 đồng |
| a Chia cổ tức (4% trên vốn điều lệ) | 1.311.918.800 đồng |
| b Trích quỹ đầu tư phát triển | - |
| c Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (c=4-a-b-d-e) | 1.746.795.675 đồng |
| Trong đó: | |
| - Quỹ khen thưởng (60%) | 1.048.077.405 đồng |
| - Quỹ phúc lợi (40%) | 698.778.270 đồng |
| d Trích quỹ thưởng người QLDN (1,5 x QL người QL tháng) | 210.434.125 đồng |
| e LNST chưa phân phối năm 2022 chuyển sang năm sau | 838.812.771 đồng |

- Hình thức thanh toán cổ tức: Đối với cổ đông phổ thông là người lao động trong Công ty, thanh toán bằng tiền mặt, với Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ sau khi tổ chức xong Đại hội.

Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2022.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.



- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 3 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 4. Thông qua báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.

Sau khi nghe ông Nguyễn Ngọc Hưng-PTP phụ trách phòng KH trình bày báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan. Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phân thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và Người có liên quan.

- Số phiếu không có quyền biểu quyết: 01 phiếu với số lượng cổ phần: 3.123.809 chiếm 97,74% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp do Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam sở hữu là bên có quyền lợi liên quan đến Công ty.

- Số phiếu có quyền biểu quyết: 04 phiếu đại diện cho 72.044 cổ phần chiếm 2,26 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

* Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 04 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu tán thành: 04/04 phiếu đại diện cho 72.044 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 4 được thông qua với tỷ lệ 100 % cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 5: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

Sau khi nghe ông Lương Văn Hiếu-Thành viên HĐQT chuyên trách trình bày Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của HĐQT. Nội dung chính:

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã quản lý điều hành Công ty chặt chẽ, minh bạch, đúng pháp luật, tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Công ty hoàn thành mọi nghĩa vụ với Nhà nước, bảo toàn phát triển vốn, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cổ đông và quyền lợi của Công ty.

Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phân thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không. *ly*

10/01/2023
T. O. U.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo của về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của HĐQT.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 5 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 6: Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2022-Đề xuất mức tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2023.

Sau khi nghe ông Lương Văn Hiếu-Thành viên HĐQT chuyên trách trình bày Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý năm 2022- Đề xuất mức tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý năm 2023 như sau:

1. Tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2022.

| TT | Họ và tên | Thành phần | Tiền lương, năm 2022 | Thù lao năm 2022 |
|----|-------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT | | 61.680.000 |
| 2 | Phan Văn Cường | Thành viên HĐQT | 346.739.000 | 52.560.000 |
| 3 | Lương Văn Hiếu | Thành viên HĐQT chuyên trách | 341.592.000 | |
| 4 | Phạm Xuân Phong | Trưởng Ban kiểm soát | | 54.960.000 |
| 5 | Nguyễn Ngọc Thành | Thành viên Ban kiểm soát | | 47.304.000 |
| 6 | Trần Thị Thúy | Thành viên Ban kiểm soát | | 47.304.000 |
| 7 | Hoàng Minh Sơn | Phó Giám đốc | 341.592.000 | |
| 8 | Vũ Mạnh Dũng | Phó Giám đốc | 341.592.000 | |
| 9 | Đỗ Thanh Tùng | Kế toán trưởng | 311.958.000 | |
| | Tổng cộng | | 1.683.473.000 | 263.808.000 |

2. Đề xuất tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty năm 2023. *ly*



| TT | Chức danh quản lý | Số lượng (người) | Tiền lương (nghìn đồng/năm) | Tiền thù lao (nghìn đồng/năm) |
|------------------|------------------------------|------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 01 | | 61.680 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 01 | | 52.560 |
| 3 | Thành viên HĐQT chuyên trách | 01 | 368.000 | |
| 4 | Trưởng BKS | 01 | | 54.960 |
| 5 | Thành viên BKS | 02 | | 94.608 |
| 6 | Giám đốc | 01 | 415.000 | |
| 7 | Phó giám đốc | 02 | 736.000 | |
| 8 | Kế toán trưởng | 01 | 336.000 | |
| Tổng cộng | | | 1.855.000 | 263.808 |

3. Phương thức chi trả: Hằng tháng các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Người quản lý Công ty được thanh toán 80% mức tiền lương, thù lao trong tháng đó; số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phân thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý năm 2022-Mức tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý công ty năm 2023.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 6 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 7: Thông qua báo cáo đề nghị Phê chuẩn kết quả kiện toàn nhân sự HĐQT công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

Sau khi nghe ông Lương Văn Hiếu-Thành viên HĐQT chuyên trách trình bày báo cáo đề nghị Phê chuẩn kết quả kiện toàn nhân sự HĐQT công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

Nội dung chính:

- Ông Vũ Mạnh Dũng - Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ Vinacomin, được bầu là thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 kể từ ngày 01/01/2023.

Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin đã thực hiện công bố thông tin 24h theo quy định pháp luật hiện hành.

Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết Phê chuẩn kết quả bầu Ông Vũ Mạnh Dũng - Giám đốc Công ty là thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 kể từ ngày 01/01/2023.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 7 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 8: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.

Sau khi nghe ông Phạm Xuân Phong- Trưởng BKS trình bày Báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát năm 2022; Báo cáo hoạt động năm 2022 của BKS-Phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của BKS. Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát năm 2022; Báo cáo hoạt động năm 2022 của BKS-Phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của BKS.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:


- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 8 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 9: Thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

Sau khi nghe ông Phạm Xuân Phong- Trưởng BKS trình bày Tờ trình đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023; Đại hội nhất trí thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2023: 



1. Công ty TNHH PKF Việt Nam

- Địa chỉ: tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

- Người đại diện: Đỗ Thị Ánh Tuyết

- Điện thoại: (024) 6664 4488

- Website: <http://www.pkf.com.vn>

2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

- Địa chỉ: số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

- Người đại diện: Nguyễn Thanh Tùng

- Điện thoại: (024) 3824 1990

- Website: <http://www.aasc.com.vn>

3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

- Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

- Người đại diện: Trần Đình Dũng

- Điện thoại: (024) 3837 3666

- Website: <http://www.pkf.afcvietnam.vn>

Đại hội giao cho Công ty lựa chọn 01 Công ty kiểm toán độc lập (trong 03 Công ty trên) theo quy định của pháp luật để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 theo quy định hiện hành.

a) Phân thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua việc chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2023.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

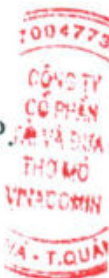
Nội dung 9 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

IV. Thủ tục bổ mạt Đại hội:

1. Ông Vũ Đức Long-Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.

2. Ông Nguyễn Trọng Tốt-Chủ tọa Đại hội thông qua Đại hội dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.



- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Như vậy Biên bản và Nghị quyết Đại hội được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

3. Ông Nguyễn Trọng Tốt- Chủ tọa Đại hội thực hiện các thủ tục tuyên bố bế mạc Đại hội

Đại hội kết thúc vào hồi 11 h 20' cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Vũ Đức Long

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Nguyễn Trọng Tốt
CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN (Báo cáo);
- Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam (Báo cáo);
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, KTTTr;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

Cám Phả, ngày 26 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22/4/2021;

Căn cứ Biên bản số: 50/BB-ĐHĐCĐ-2023 ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ-Vinacomin.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022-Nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022-Nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023 của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin với các chỉ tiêu chính sau:

1. Kết quả SXKD năm 2022:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2022 | Thực hiện năm 2022 | % |
|------------|-------------------|----------------|----------------|--------------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5/4 |
| I | Sản lượng | | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 5.250.000 | 5.004.866 | 95,33 |
| 2 | TKm chở công nhân | TKm | 26.500.000 | 27.877.215 | 105,2 |
| 3 | KM vận hành | Km | 11.000.000 | 11.327.751 | 130,0 |
| II | Doanh thu | Tr.Đồng | 280.000 | 337.092 | 120,39 |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 260.000 | 304.634 | 117,17 |
| 2 | Sửa chữa xe | " | 18.000 | 29.122 | 161,79 |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | 3.336 | 166,8 |
| III | Chi phí | " | 274.900 | 331.882 | 120,73 |



| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2022 | Thực hiện năm 2022 | % |
|------|----------------------|-----------------|---------|--------------------|--------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5/4 |
| IV | Lợi nhuận TT | " | 5.100 | 5.210 | 102,16 |
| V | Lao động BQ | Người | 745 | 717 | 96,24 |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/ ng.th | 8.950 | 10.302 | 115,11 |
| VII | Trả cổ tức (dự kiến) | % | ≥4 | 4 | |
| VIII | Đầu tư xây dựng | Tr.Đồng | 63.074 | 58.569 | 92,85 |

2. Kế hoạch SXKD năm 2023:

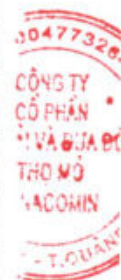
| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2023 | Ghi chú |
|------|----------------------|-------------|------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I | Sản lượng | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 4.300.000 | |
| 2 | TKm chở công nhân | TKm | 30.000.000 | |
| 3 | KM vận hành | Km | 11.000.000 | |
| II | Doanh thu | Tr.Đồng | 294.000 | |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 272.000 | |
| 2 | Sửa chữa xe | " | 20.000 | |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | |
| III | Chi phí | " | 288.800 | |
| IV | Lợi nhuận TT | " | 5.200 | |
| V | Lao động BQ | Người | 745 | |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/ng.th | 9.389 | |
| VII | Trả cổ tức (dự kiến) | % | ≥ 4 | |
| VIII | Đầu tư xây dựng | Tr.Đồng | 40.900 | |

3. Kế hoạch sử dụng lao động năm 2023:

- Lao động định mức: 745 người, trong đó:
 - + Người quản lý công ty: 05 người
 - + Người lao động: 740 người
- Lao động tuyển mới: 30 người.

4. Kế hoạch trả cổ tức năm 2023: Dự kiến ≥4%/ vốn Điều lệ ly

Căn cứ KHSXKD năm 2023:



- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế: 5,2 tỷ đồng
- Dự kiến lợi nhuận sau thuế: 4,16 tỷ đồng
- Dự kiến chi trả cổ tức: 1,312 tỷ đồng (Tương ứng 4%);
- Dự kiến còn lại chi các quỹ: 2,848 tỷ đồng

Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, tùy theo điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn trong sản xuất thì được quyền quyết định điều chỉnh tăng, giảm các chỉ tiêu SXKD nhằm đảm bảo hiệu quả lợi ích của cổ đông và Công ty.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Căn cứ báo cáo Tài chính tóm tắt đã được kiểm toán năm 2022; Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 do công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Điều 3: Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2022 như sau:

| | |
|---|---------------------------|
| 1. Lợi nhuận kế toán trước thuế | 5.210.168.833 đồng |
| 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.102.207.462 đồng |
| 3. Lợi nhuận sau thuế (3=1-2) | 4.107.961.371 đồng |
| 4. Dự kiến phân phối lợi nhuận còn lại | 4.107.961.371 đồng |
| a Chia cổ tức (4% trên vốn điều lệ) | 1.311.918.800 đồng |
| b Trích quỹ đầu tư phát triển | - |
| c Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (c=4-a-b-d-e) | 1.746.795.675 đồng |
| Trong đó: | |
| - Quỹ khen thưởng (60%) | 1.048.077.405 đồng |
| - Quỹ phúc lợi (40%) | 698.778.270 đồng |
| d Trích quỹ thưởng người QLDN (1,5 x QL người QL tháng) | 210.434.125 đồng |
| e LNST chưa phân phối năm 2022 chuyển sang năm sau | 838.812.771 đồng |

- Hình thức thanh toán cổ tức: Đối với cổ đông phổ thông là người lao động trong Công ty, thanh toán bằng tiền mặt; với Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ sau khi tổ chức xong Đại hội.

Điều 4: Thông qua Báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.

Điều 5: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của HĐQT.

Điều 6: Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý Công ty năm 2022-Đề xuất mức tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý Công ty năm 2023.

1. Thông qua tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý Công ty năm 2022:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua chi trả tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý Công ty năm 2022 như sau:

| TT | Họ và tên | Thành phần | Tiền lương, năm 2022 | Thù lao năm 2022 |
|----|-------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT | | 61.680.000 |
| 2 | Phan Văn Cường | Thành viên HĐQT | 346.739.000 | 52.560.000 |
| 3 | Lương Văn Hiếu | Thành viên HĐQT chuyên trách | 341.592.000 | |
| 4 | Phạm Xuân Phong | Trưởng Ban kiểm soát | | 54.960.000 |
| 5 | Nguyễn Ngọc Thành | Thành viên Ban kiểm soát | | 47.304.000 |
| 6 | Trần Thị Thúy | Thành viên Ban kiểm soát | | 47.304.000 |
| 7 | Hoàng Minh Sơn | Phó Giám đốc | 341.592.000 | |
| 8 | Vũ Mạnh Dũng | Phó Giám đốc | 341.592.000 | |
| 9 | Đỗ Thanh Tùng | Kế toán trưởng | 311.958.000 | |
| | Tổng cộng | | 1.683.473.000 | 263.808.000 |

2. Quyết nghị mức tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý Công ty năm 2023.

| TT | Chức danh quản lý | Số lượng (người) | Tiền lương (nghìn đồng/năm) | Tiền thù lao (nghìn đồng/năm) |
|----|------------------------------|------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 01 | | 61.680 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 01 | | 52.560 |
| 3 | Thành viên HĐQT chuyên trách | 01 | 368.000 | |
| 4 | Trưởng BKS | 01 | | 54.960 |
| 5 | Thành viên BKS | 02 | | 94.608 |



| TT | Chức danh quản lý | Số lượng (người) | Tiền lương (nghìn đồng/năm) | Tiền thù lao (nghìn đồng/năm) |
|------------------|-------------------|------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| 6 | Giám đốc | 01 | 415.000 | |
| 7 | Phó giám đốc | 02 | 736.000 | |
| 8 | Kế toán trưởng | 01 | 336.000 | |
| Tổng cộng | | | 1.855.000 | 263.808 |

3. Phương thức chi trả: Hằng tháng các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Người quản lý Công ty được thanh toán 80% mức tiền lương, thù lao trong tháng đó; số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Điều 7: Thông qua báo cáo đề nghị Phê chuẩn kết quả kiện toàn nhân sự HĐQT công ty nhiệm kỳ 2021-2026

Đại hội đồng cổ đông nhất trí Phê chuẩn kết quả kiện toàn nhân sự HĐQT công ty nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

- Ông Vũ Mạnh Dũng - Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin, được bầu là thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 kể từ ngày 01/01/2023.

Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin đã thực hiện công bố thông tin 24h theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 8: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát năm 2022. Báo cáo hoạt động năm 2022 của BKS-Phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của BKS.

Điều 9: Thông qua việc lựa chọn danh sách công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2023 như sau:

1. Công ty TNHH PKF Việt Nam

- Địa chỉ: tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

- Người đại diện: Đỗ Thị Ánh Tuyết

- Điện thoại: (024) 6664 4488

- Website: <http://www.pkf.com.vn>

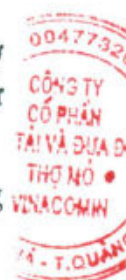
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

- Địa chỉ: số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

- Người đại diện: Nguyễn Thanh Tùng

- Điện thoại: (024) 3824 1990

- Website: <http://www.aasc.com.vn>



3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

- Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

- Người đại diện: Trần Đình Dũng
- Điện thoại: (024) 3837 3666
- Website: <http://www.pkf.afcvietnam.vn>

Đại hội giao cho Công ty lựa chọn 01 Công ty kiểm toán độc lập (trong 03 Công ty trên) theo quy định của pháp luật để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 theo quy định hiện hành.

Điều 10: Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ-Vinacomin đã được tiến hành công khai, minh bạch, hợp pháp và công bằng. Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ-Vinacomin năm 2023 thông qua. Tất cả các cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, ban Giám đốc, viên chức quản lý Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này gồm 06 trang, được lập lúc 11h20' ngày 26/ 4//2023././.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN (Báo cáo);
- Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam (Báo cáo);
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS, BGD,KTTr;
- Đăng Website Công ty;

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Nguyễn Trọng Tốt
CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY



Cám Phá, ngày 26 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chia cổ tức năm 2023

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số: 51/NQ-ĐHĐCD-2023 ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ-Vinacomin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chia cổ tức năm 2022 là 4,0% trên vốn Điều lệ của Công ty với số tiền: 1.311.918.800 đồng (Một tỷ, ba trăm mười một triệu, chín trăm mười tám nghìn, tám trăm đồng).

Điều 2. Hình thức thanh toán cổ tức: Đối với cổ đông phổ thông là người lao động trong Công ty, thanh toán bằng tiền mặt; đối với Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ sau khi tổ chức xong Đại hội.

- Thời gian thực hiện: Sau Đại hội.

Điều 3. Tất cả các cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, ban Giám đốc, viên chức quản lý Công ty căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc, KTTTr;
- Các Phòng liên quan;
- Lưu: VT, TK Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Tốt

Số: 28 /BC-HĐQT

Cẩm Phả, ngày 03 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS, người quản lý công ty năm 2022
Đề xuất tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS, người quản lý công ty năm 2023
(Trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sửa đổi bổ sung thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 việc chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS, người quản lý công ty năm 2022-Đề xuất tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS, người quản lý công ty năm 2023 như sau:

1. Về tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty năm 2022:

| TT | Họ và tên | Thành phần | Tiền lương năm 2022 | Thù lao năm 2022 |
|----|-------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT | | 61.680.000 |
| 2 | Phan Văn Cường | Thành viên HĐQT | 346.739.000 | 52.560.000 |
| 3 | Lương Văn Hiểu | Thành viên HĐQT chuyên trách | 341.592.000 | |
| 4 | Phạm Xuân Phong | Trưởng BKS | | 54.960.000 |
| 5 | Nguyễn Ngọc Thành | Thành viên BKS | | 47.304.000 |
| 6 | Trần Thị Thúy | Thành viên BKS | | 47.304.000 |
| 7 | Hoàng Minh Sơn | Phó Giám đốc | 341.592.000 | |
| 8 | Vũ Mạnh Dũng | Phó Giám đốc | 341.592.000 | |
| 9 | Đỗ Thanh Tùng | Kế toán trưởng | 311.958.000 | |
| | Tổng cộng | | 1.683.473.000 | 263.808.000 |

19

2. Mức tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty năm 2023:

| TT | Chức danh | Số lượng (người) | Tiền lương năm 2023 | Thù lao năm 2023 | Ghi chú |
|----|-----------------|------------------|----------------------|--------------------|--------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 01 | | 61.680.000 | Kiểm nhiệm |
| 2 | Thành viên HĐQT | 01 | | 52.560.000 | Kiểm nhiệm |
| 3 | Thành viên HĐQT | 01 | 368.000.000 | | Chuyên trách |
| 4 | Trưởng BKS | 01 | | 54.960.000 | Kiểm nhiệm |
| 5 | Thành viên BKS | 02 | | 94.608.000 | Kiểm nhiệm |
| 6 | Giám đốc | 01 | 415.000.000 | | |
| 7 | Phó giám đốc | 02 | 736.000.000 | | |
| 8 | Kế toán trưởng | 01 | 336.000.000 | | |
| | Tổng số | | 1.855.000.000 | 263.808.000 | |

3. Phương thức chi trả: Hằng tháng các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, người quản lý công ty được thanh toán 80% mức tiền lương, thù lao trong tháng đó; số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Trên đây là báo cáo chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS, người quản lý công ty năm 2022-Đề xuất tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS, người quản lý công ty năm 2023. HĐQT Công ty xin trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến của quý vị đại biểu cổ đông./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn (Báo cáo)
- Các cổ đông công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc, viên chức quản lý;
- Lưu: VT, TK Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Tốt

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Số: 39 /BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cám Phá, ngày 10 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Đề nghị phê chuẩn kết quả kiện toàn nhân sự HĐQT công ty nhiệm kỳ 2021-2026
(Trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ- Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22/4/2021;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ-Vinacomin xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê chuẩn kết quả kiện toàn nhân sự HĐQT công ty nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

Thực hiện Quyết định số 1986/QĐ-TKV ngày 26/12/2022 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam V/v thay đổi Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin;

Ngày 28/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin họp bàn nhất trí quyết nghị việc thay đổi Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ- Vinacomin nhiệm kỳ 2021-2026; kiện toàn nhân sự HĐQT công ty. Kết quả:

- Ông Phan Văn Cường - Thành viên HĐQT thôi làm Người đại diện của TKV tại Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin, thôi tham gia HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin kể từ ngày 01/01/2023.

- Ông Vũ Mạnh Dũng - Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin làm Người đại diện của TKV, tham gia HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin kể từ ngày 01/01/2023.

Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin đã thực hiện công bố thông tin 24h theo quy định pháp luật hiện hành.

Trên đây là báo cáo kết quả kiện toàn nhân sự HĐQT công ty nhiệm kỳ 2021-2026. HĐQT Công ty xin trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến của quý vị đại biểu cổ đông./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn (Báo cáo)
- Các cổ đông công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc, viên chức quản lý;
- Lưu: VT, TK Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Tốt

Số: 48 /TTr-HĐQT

Cầm Phả, ngày 20 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Các văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước về việc phân phối lợi nhuận đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 1682/TKV-KS ngày 17/4/2023 của Tập đoàn TKV về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐQT ngày 20/4/2023 của HĐQT Công ty;

Hội đồng Quản trị Công ty đề xuất Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2022 như sau:

| | |
|---|---------------------------|
| 1. Lợi nhuận kế toán trước thuế | 5.210.168.833 đồng |
| 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.102.207.462 đồng |
| 3. Lợi nhuận sau thuế (3=1-2) | 4.107.961.371 đồng |
| 4. Dự kiến phân phối lợi nhuận còn lại | 4.107.961.371 đồng |
| a Chia cổ tức (4% trên vốn điều lệ) | 1.311.918.800 đồng |
| b Trích quỹ đầu tư phát triển | - |
| c Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (c=4-a-b-d-e) | 1.746.795.675 đồng |
| Trong đó: | |
| - Quỹ khen thưởng (60%) | 1.048.077.405 đồng |
| - Quỹ phúc lợi (40%) | 698.778.270 đồng |
| d Trích quỹ thưởng người QLDN (1,5 x QL người QL tháng) | 210.434.125 đồng |
| e LNST chưa phân phối năm 2022 chuyển sang năm sau | 838.812.771 đồng |

- Hình thức thanh toán cổ tức: Đối với cổ đông phổ thông là người lao động trong Công ty, thanh toán bằng tiền mặt, với Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ sau khi tổ chức xong Đại hội.

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét thông qua. /s/

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Tốt

TỜ TRÌNH

Về việc đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty CP Vận tải và ĐĐTMM - Vinacomin.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 64/2004/TT-BTC ngày 29 tháng 06 năm 2004 của Bộ Tài Chính v/v " Kiểm toán bắt buộc đối với báo cáo tài chính hàng năm của các Doanh nghiệp bao gồm: Công ty Cổ phần, Cty TNHH..."

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Để đảm bảo hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành. Ban Kiểm soát Công ty xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

I. Đề xuất về tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có chức năng theo quy định của Pháp luật và được Bộ Tài chính chấp thuận thuộc danh sách những đơn vị có đủ điều kiện để thực hiện kiểm toán cho các Doanh nghiệp;

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên thường trực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;

- Không có quan hệ mua bán cổ phần, tài sản hoặc góp vốn với Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin;

- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ của kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét giá chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán;

II. Đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập:

Với các tiêu thức lựa chọn nêu trên, Ban Kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông lựa chọn danh sách công ty kiểm toán độc lập có đủ năng lực dưới đây cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 bao gồm cả soát xét bán niên độ (từ 01/01/2023 đến 30/6/2023) của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH PKF Việt Nam

- Địa chỉ: tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

- Người đại diện: Đỗ Thị Ánh Tuyết

- Điện thoại: (024) 6664 4488

- Website: <http://www.pkf.com.vn>

2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

- Địa chỉ: số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

- Người đại diện: Nguyễn Thanh Tùng

- Điện thoại: (024) 3824 1990

- Website: <http://www.aasc.com.vn>

3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt N

am - Chi nhánh Hà Thành

- Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

- Người đại diện: Trần Đình Dũng

- Điện thoại: (024) 3837 3666

- Website: <http://www.pkf.afcvietnam.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TK Cty;
- Lưu: Ban KS,TC-NS.



Số: 596/BC-ĐDTM

Cầm Phả, ngày 18 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ – Vinacomin.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ – Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2021;

Thực hiện Điều 15 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty v/v thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Công ty xin được báo cáo trước ĐHCĐ tóm tắt các số liệu chủ yếu của BCTC năm 2022 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán tại Báo cáo số: 68/2023/BCKT-PKFVN ngày 17/3/2023.

Theo đó Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

I. Bảng cân đối kế toán (tóm tắt)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| TT | TÀI SẢN | Mã số | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|-----------|-------------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| I | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 37.955.475.275 | 37.963.856.408 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 1.636.338.371 | 1.683.955.239 |
| 2 | Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 0 | 0 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 24.811.085.872 | 26.578.114.367 |
| 4 | Hàng tồn kho | 140 | 7.591.034.590 | 6.673.032.118 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 3.917.016.442 | 3.028.754.684 |
| II | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 174.317.308.171 | 145.063.197.301 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 0 | 0 |
| 2 | Tài sản cố định | 220 | 155.907.375.791 | 125.469.668.284 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | 230 | 6.587.253.871 | 6.991.070.779 |
| 4 | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 568.805.601 | 568.805.601 |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | 260 | 11.253.872.908 | 12.033.652.637 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 212.272.783.446 | 183.027.053.709 |



Handwritten signature

| TT | TÀI SẢN | Mã số | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|------------|-------------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| III | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 172.426.572.776 | 143.206.301.208 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 310 | 72.345.772.776 | 65.060.301.208 |
| 2 | Nợ dài hạn | 330 | 100.080.800.000 | 78.146.000.000 |
| IV | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 39.846.210.670 | 39.820.752.501 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 410 | 39.846.210.670 | 39.820.752.501 |
| | - Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |
| | - Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 472.691.257 | 472.691.257 |
| | - Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 2.467.588.042 | 2.467.588.042 |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 4.107.961.371 | 4.082.503.202 |
| 2 | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | 0 | 0 |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 212.272.783.446 | 183.027.053.709 |

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-----------------|-----------------|
| 1- Doanh thu bán hàng và CC DV | 01 | 334.970.569.701 | 288.121.015.082 |
| 2- Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 0 | 0 |
| 3- Doanh thu thuần (10 = 01-02) | 10 | 334.970.569.701 | 288.121.015.082 |
| 4- Giá vốn hàng bán | 11 | 281.901.474.944 | 239.496.342.427 |
| 5- Lợi nhuận gộp (20=10-11) | 20 | 53.069.094.757 | 48.624.672.655 |
| 6- Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 8.816.302 | 7.415.358 |
| 7- Chi phí tài chính | 22 | 11.183.524.278 | 8.836.401.160 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 11.183.524.278 | 8.836.401.160 |
| 8- Chi phí bán hàng | 25 | 0 | 0 |
| 9- Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 38.598.709.415 | 35.331.835.588 |
| 10- LN thuần từ HĐKD (30=20+21-22-25-26) | 30 | 3.295.677.366 | 4.463.851.265 |
| 11- Thu nhập khác | 31 | 1.914.504.946 | 1.215.289.676 |
| 12- Chi phí khác | 32 | 13.479 | 219.645.630 |
| 13- Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | 1.914.491.467 | 995.644.046 |
| 14- Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | 5.210.168.833 | 5.459.495.311 |
| 15- Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 1.102.207.462 | 1.376.992.109 |
| 16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 0 | 0 |
| 17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | 4.107.961.371 | 4.082.503.202 |
| 18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | 1.253 | 1.245 |

lcv

III. Các Chỉ tiêu tài chính cơ bản

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kỳ báo cáo | Kỳ trước |
|-----|---|-----|------------|----------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | | | |
| | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 82,12 | 79,26 |
| | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 17,88 | 20,74 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 81,23 | 78,24 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 18,77 | 21,76 |
| 3 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | % | 2,08 | 2,41 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE) | % | 10,31 | 10,25 |
| 5 | Khả năng thanh toán nợ đến hạn | Lần | 0,52 | 0,58 |
| 6 | Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH | Lần | 4,33 | 3,60 |

Xin trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

GIÁM ĐỐC



Vũ Mạnh Dũng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Số: 446/BC-ĐĐTMM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cám Phá, ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin

Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa Đón thợ mỏ đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2021.

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-HĐQT ngày 06/07/2021 về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.

Căn cứ quyết định số 55/QĐ-HĐQT ngày 06/07/2021 về việc ban hành quy chế quản lý lao động và tiền lương.

Căn cứ quyết định số 25/QĐ-HĐQT ngày 08/04/2020 về việc ban hành hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Công ty

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty lập ngày 06/02/2023 và Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH PKF Việt Nam số 68/2022/BCKT-PKFVN lập ngày 17 tháng 03 năm 2023.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ (Công ty) thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo luật doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông quy định được báo cáo Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

PHẦN I

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát đại diện cho các cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, năm 2022 Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ với các nội dung sau:

- Kết hợp cùng với Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 và thông qua đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

- Xem xét các báo cáo tài chính hàng kỳ (quý, sáu tháng, chín tháng và cả năm) của Công ty, tư vấn và hướng dẫn công tác quản lý và hạch toán kế toán phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Thực hiện kiểm soát công tác quản lý chi phí, tính giá thành và kế toán quản trị trong Công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp và các công tác giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Kiểm soát đề xuất các biện pháp trong công tác quản lý của Công ty:

- Các thành viên của BKS đã nhận được sự tạo điều kiện thuận lợi của HĐQT, Ban Giám đốc, các Phòng Ban để hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC KIỂM SOÁT NĂM 2022

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2022.

| TT | Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2022 (theo NQ ĐH) | Thực hiện năm 2022 | Tỷ lệ % |
|------------|-----------------------------|--------------|----------------------------|--------------------|--------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 4 = 2/1*100 |
| I | Sản lượng | | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 5.250.000 | 5.004.866 | 95,3 |
| 2 | Tkm hành khách | Tkm | 26.500.000 | 27.877.215 | 105,2 |
| II | Doanh thu | Tr.đ | 280.000 | 337.092 | 120,4 |
| 1 | Vận chuyển c.nhân | " | 260.000 | 304.634 | 117,2 |
| 2 | Sửa chữa xe | " | 18.000 | 29.122 | 161,8 |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | 3.336 | 166,8 |
| III | Lợi nhuận trước thuế | " | 5.100 | 5.210 | 102,2 |
| IV | L.động. tiền lương | | | | |
| 1 | Tổng quỹ tiền lương | Tr.đ | 80.002 | 88.640 | 110,8 |
| 2 | Lao động bình quân | Người | 745 | 717 | 96,2 |
| 3 | Thu nhập b/q | 1.000đ/N/T | 8.950 | 10.302 | 115,1 |
| V | Tỷ lệ cổ tức | %/Năm | 4 | 4 | 100 |

Nhận xét:

- Sản lượng hành khách so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông đạt 95,3%

- Doanh thu SX chính tính lương của Công ty 304.634 triệu đồng/KH 260.000 triệu đồng đạt 117,17% KH. Doanh thu vượt kế hoạch là do tình hình

Covid đã được khống chế, lượng công nhân đi làm đã ổn định trở lại. Thực hiện các chuyến đưa đón công nhân mở về quê ăn Tết. Phục vụ mở chợ du lịch, nghỉ cuối tuần, tham quan, điều dưỡng với các đơn vị trong ngoài TKV.

- Doanh thu sửa chữa bên ngoài đạt 161,8% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao

- Lợi nhuận đạt 102,2% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao.

II. VỀ TÀI SẢN, NGUỒN VỐN

| TT | CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------|--|------------|------------------------|------------------------|
| A | B | C | 1 | 2 |
| A | Tài sản ngắn hạn | 100 | 37.955.475.275 | 37.963.856.408 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 1.636.338.371 | 1.683.955.239 |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 24.811.085.872 | 26.578.114.367 |
| 4 | Hàng tồn kho | 140 | 7.591.034.590 | 6.673.032.118 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 3.917.016.442 | 3.028.754.684 |
| B | Tài sản dài hạn | 200 | 174.317.308.171 | 145.063.197.301 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - |
| 2 | Tài sản cố định | 220 | 155.907.375.791 | 125.469.668.284 |
| | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 155.907.375.791 | 125.469.668.284 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | 230 | 6.587.253.871 | 6.991.070.779 |
| 4 | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 568.805.601 | 568.805.601 |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | 260 | 11.253.872.908 | 12.033.652.637 |
| | Tổng cộng tài sản (270=100+200) | 270 | 212.272.783.446 | 183.027.053.709 |
| C | Nợ phải trả | 300 | 172.426.572.776 | 143.206.301.208 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 310 | 72.345.772.776 | 65.060.301.208 |
| 2 | Nợ dài hạn | 330 | 100.080.800.000 | 78.146.000.000 |
| D | Vốn chủ sở hữu | 400 | 39.846.210.670 | 39.820.752.501 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 410 | 39.846.210.670 | 39.820.752.501 |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |

7004
CƠ
CỔ
KH TÀI
T
V
M P P

| TT | CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------|--|------------|------------------------|------------------------|
| 2 | Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 472.691.257 | 472.691.257 |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 2.467.588.042 | 2.467.588.042 |
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối | 421 | 4.107.961.371 | 4.082.503.202 |
| | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - |
| | LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 4.107.961.371 | 4.082.503.202 |
| II | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - |
| | Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400) | 440 | 212.272.783.446 | 183.027.053.709 |

1. Đánh giá nhận xét qua một số chỉ tiêu:

1.1. Khả năng thanh toán nợ đến hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn

Năm 2021: 37.964 tr đồng / 65.060 tr.đồng = 0,58 lần

Năm 2022: 37.955 tr đồng / 72.345 tr.đồng = 0,52 lần

Nhận xét: năm 2022 giảm 0,06 lần so với thực hiện năm 2021. TKV phê duyệt năm 2022: 0,62 lần (thấp hơn kế hoạch giao là 0,1 lần);

1.2. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu

Năm 2021: 143.206 tr đồng / 39.821 tr.đồng = 3,60 lần

Năm 2022: 172.426 tr đồng / 39.846 tr.đồng = 4,33 lần

Nhận xét: Năm 2022 tăng 0,73 lần so với thực hiện năm 2021. TKV phê duyệt năm 2022: 4,18 lần (cao hơn kế hoạch giao 0,15 lần)

1.3. Hiệu quả sử dụng tổng nguồn vốn (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản

Năm 2021: 4.083 tr đồng /169.419 Tr. đồng = 2,41%

Năm 2022: 4.108 tr đồng /197.649 Tr. đồng = 2,08%

Nhận xét: năm 2022 thực hiện 2,08%, giảm 0,33% so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 là: 2,41%)

1.4. Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu

Năm 2021: 4.083 tr đồng /39.821 trđồng = 10,25%

Năm 2022: 4.108 tr đồng /39.846 trđồng = 10,31%

Nhận xét: năm 2022 thực hiện 10,31%, tăng 0,06% so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 là: 10,25%)

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|-------|-----------------|-----------------|
| TỔNG DOANH THU (01+21+31) | | 336.893.890.949 | 289.343.720.116 |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | 334.970.569.701 | 288.121.015.082 |
| 1. Doanh thu thuần | 10 | 334.970.569.701 | 288.121.015.082 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 11 | 281.901.474.944 | 239.496.342.427 |
| 3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10-11) | 20 | 53.069.094.757 | 48.624.672.655 |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 8.816.302 | 7.415.358 |
| 5. Chi phí tài chính | 22 | 11.183.524.278 | 8.836.401.160 |
| Tr.đó: Chi phí lãi vay | 23 | 11.183.524.278 | 8.836.401.160 |
| 6. Chi phí bán hàng | 25 | - | - |
| 7. Chi phí quản lý DN | 26 | 38.598.709.415 | 35.331.835.588 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (20+21-22-25-26) | 30 | 3.295.677.366 | 4.463.851.265 |
| 9. Thu nhập khác | 31 | 1.914.504.946 | 1.215.289.676 |
| 10. Chi phí khác | 32 | 13.479 | 219.645.630 |
| 11. Lợi nhuận khác (31-32) | 40 | 1.914.491.467 | 995.644.046 |
| 12. Tổng lợi nhuận trước thuế (30+40) | 50 | 5.210.168.833 | 5.459.495.311 |
| 13. Thuế Thu nhập DN hiện hành | 51 | 1.102.207.462 | 1.376.992.109 |
| 14. Lợi nhuận sau thuế (50-51) | 60 | 4.107.961.371 | 4.082.503.202 |

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

| CÁC KHOẢN THU NỢP | SỐ ĐẦU NĂM | SỐ PHẢI NỢP | SỐ ĐÃ NỢP | SỐ CÒN PHẢI NỢP |
|-------------------------------|-------------|---------------|---------------|-----------------|
| Các loại thuế | 973.184.225 | 8.462.761.008 | 7.154.116.504 | 2.281.828.729 |
| 1. Thuế GTGT hàng bán nội địa | 764.028.037 | 6.412.688.194 | 6.091.740.312 | 1.084.975.919 |
| 2. Tiền thuế đất | | | | |

| | | | | |
|----------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 3. Thuế thu nhập DN | 209.156.188 | 1.102.207.462 | 209.156.188 | 1.102.207.462 |
| 4. Thuế thu nhập cá nhân | | 521.004.522 | 426.359.174 | 94.645.348 |
| 5. Thuế môn bài | | 3.000.000 | 3.000.000 | |
| 6. Thuế nhà đất và tiền thuê đất | | 423.860.830 | 423.860.830 | |
| Các khoản nộp khác | | | | |
| 1. Truy thu thuế | | | | |
| 2. Nộp phạt thuế | | 252 | 252 | |
| Tổng cộng | 973.184.225 | 8.462.761.260 | 7.154.116.756 | 2.281.828.729 |

4. Về quỹ tiền lương.

Quỹ tiền lương năm 2022 như sau:

| TT | Nội dung | Số tiền (đồng) |
|----|--------------------------|----------------|
| 1 | Số dư đầu năm 01/01/2022 | 10.667.507.635 |
| 2 | Số tăng trong năm 2022 | 93.792.885.893 |
| 3 | Số thực chi năm 2022 | 92.394.271.714 |
| 4 | Số dư cuối kỳ 31/12/2022 | 12.066.121.814 |

Trong quý 1 năm 2023 Công ty đã chi tiền lương còn kết dư của năm 2022 là: 10.448.475.804 đồng. Số tiền còn kết dư chuyển sang năm 2023 là: 1.617.646.010 đồng.

+ Đơn giá tiền lương SX chính: Công ty thực hiện 277 đ/1.000 DT với đơn giá KH 290 đ/1000 đ DT bằng 95,5% KH.

+ Đơn giá tiền lương SX khác: Công ty thực hiện theo quyết toán.

5. Về công tác quản lý TS, khấu hao TSCĐ và sửa chữa lớn TSCĐ

5.1 Về TSCĐ:

Tổng tài sản tăng trong năm 53,43Tr.đ

5.2 Khấu hao TSCĐ

Công ty thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

5.3 Về sửa chữa lớn:

- Kế hoạch sửa chữa : 7.360 tr.đ - Thực hiện: 6.957 Trđ đạt 94,52 %

6. Về công tác quản lý vật tư:

Tồn kho vật tư số đầu năm là 6.673 tr.đ, số cuối năm 7.591 tr.đ. tăng 918 tr.đ.

Tỷ lệ tồn kho là 4,78% so với nhu cầu sử dụng trong kỳ. Công ty đã thực hiện theo đúng quyết định số 65/QĐ-ĐBTM ngày 06/07/2021 về việc ban hành

Quy chế quản lý công tác vật tư và Quy định số 19/QĐ/ĐĐTMM ngày 30/11/2016 về việc quản lý mua bán và nghiệm thu nhiên liệu khi kết thúc ca, ngày sản xuất.

7. Về công nợ phải thu, phải trả:

- Công nợ phải thu khách hàng đầu năm 25.204 tr.đ, cuối năm 21.704 tr.đ giảm 3.500 tr.đ, Công ty cần tích cực đối chiếu, thanh toán với khách hàng và thu hồi công nợ, giảm các khoản công nợ phải trả để giảm hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

- Công nợ phải trả đầu năm 143.206 tr.đ, cuối năm 172.427 tr.đ tăng 29.221 tr.đ, trong đó nợ ngắn hạn tăng 7.287 tr.đ, nợ dài hạn tăng 21.934 tr.đ.

- Công ty đã có biên bản đối chiếu công nợ tỷ lệ 100%.

8. Về công tác đầu tư:

Trong năm 2022, Công ty đã đầu tư :

+ Dự án đầu tư xe ô tô năm 2022 với tổng giá trị quyết toán : 56.059 Trđ.

+ Dự án đầu tư xây dựng khu điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại Phường Bắc Sơn, Ưông Bí: là 626 triệu đồng

+ Dự án đầu tư mua sắm thiết bị sản xuất năm 2022 : 01 máy phát điện khu vực văn phòng công ty; 01 băng kiểm tra kim phun điện tử xe ô tô chở khách là 1.884 triệu đồng

Công ty đã thực hiện theo quy định của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

III. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tổng số vốn theo điều lệ: 32.797.970.000 đ

Trong đó: - Tập đoàn VINACOMIN 31.238.090.000 đ (95,244%)

- Vốn góp của các cổ đông khác: 1.559.880.000 đ (4,756%)

| TT | Nội dung | Số tiền |
|----|---|---------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | 5.210.168.833 |
| 2 | Thuế TNDN phải nộp | 1.102.207.462 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế: | 4.107.961.371 |
| 4 | Lợi nhuận còn lại để trích lập các quỹ. trả cổ tức: | 4.107.961.371 |
| A | - Trả cổ tức: (4%) | 1.311.918.800 |
| | Trong đó: + Cổ tức cổ phần vốn Nhà nước | 1.249.523.600 |
| | + Cổ tức cổ phần phổ thông | 62.395.200 |
| B | - Trích lập Quỹ Dự phòng tài chính | |
| C | - Trích lập Quỹ bổ sung vốn điều lệ | |
| D | - Trích | |



| | |
|---|---------------|
| - Trích Quỹ đầu tư phát triển | 838.812.771 |
| - Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2022 | 210.434.125 |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1.746.795.675 |

Quỹ thưởng viên chức quản lý căn cứ vào xếp loại doanh nghiệp năm 2022 Nếu công ty xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện; Xếp loại B được trích 1,0 tháng lương; xếp loại C thì không được trích. Công ty tự đánh giá xếp loại doanh nghiệp năm 2022 Công ty xếp loại A và trích 1,5 tháng lương; Trường hợp Chủ sở hữu xếp loại khác so với Công ty tự đánh giá xếp loại thì Công ty thực hiện theo quy định.

IV. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc

Trong năm 2022, HĐQT đã đề ra các mục tiêu cơ bản, chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và giám sát quá trình hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT theo đó Ban điều hành có những quyết định kịp thời góp phần mang lại hiệu quả và lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

Đối với HĐQT:

Trong năm 2022 HĐQT Công ty đã ban hành: 14 biên bản, 15 nghị quyết, 17 quyết định. (Có báo cáo kèm theo)

Các văn bản trên nội dung chủ yếu về thông qua Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án: Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2022, Dự án: Đầu tư xây dựng khu điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại Phường Bắc Sơn, Ưông Bí, Dự án: Đầu tư mua sắm thiết bị sản xuất năm 2022; kế hoạch sử dụng quỹ Khen thưởng, quỹ Phúc lợi, quỹ Ban quản lý điều hành năm 2022; ban hành Quy chế dân chủ trong công ty; chuyển xếp lương thành viên HĐQT chuyên trách; phương án chủ trương bổ nhiệm PGĐ từ nguồn nhân sự tại chỗ. Ban hành kế hoạch kiểm tra giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của TKV năm 2022; Ban hành quy chế kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu trong công ty; ĐHCĐ thường niên năm 2022; Bổ nhiệm giám đốc công ty; Ban hành hệ thống thang bảng lương công ty.

- HĐQT công ty đã tuân thủ pháp luật, đúng Điều lệ khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời, đảm bảo nguyên tắc làm việc tập trung dân chủ trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và sự phát triển của Công ty.

- HĐQT thực hiện đúng chức năng giám sát các hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ quản lý và phối hợp với BKS Công ty, hệ thống kiểm toán để kiểm tra thực hiện các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Đối với Ban Giám đốc:

- Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, các mục tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. HĐQT Công ty và thực hiện chế độ tài chính của Nhà nước.

- Kiểm tra tình hình chấp hành việc tuân thủ Luật pháp Nhà nước, các quy định của cơ quan chức năng và quy định của Công ty để thực hiện tốt kế hoạch SXKD của Công ty, nâng cao chất lượng phục vụ. chất lượng sửa chữa, phát triển nguồn nhân lực, phòng ngừa và quản lý tốt rủi ro và quản lý tốt công tác an toàn, không để xảy ra tai nạn lao động, đảm bảo an toàn vận chuyển công nhân.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban Giám đốc.

Trong năm HĐQT đã giám sát các hoạt động của Ban giám đốc và phối hợp với ban kiểm soát để chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ SXKD của Công ty. Phối hợp chặt chẽ thường xuyên với Đảng bộ Công ty để lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Có mối quan hệ với Ban kiểm soát và Ban kiểm soát cũng được cung cấp đầy đủ tài liệu các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thường xuyên cung cấp thông tin đến HĐQT và Ban Giám đốc các phòng ban quản lý góp phần hoàn thiện công tác quản lý SXKD ngày càng tốt hơn.

V. Phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của Ban kiểm soát.

1. Phương hướng chung:

- Tiếp tục phát huy vai trò của BKS: Thực hiện quyền thay mặt cổ đông để giám sát, kiểm soát hoạt động của HĐQT, BGĐ; hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, quy chế tổ chức hoạt động của BKS và các quy định khác có liên quan;

- Ban kiểm soát phấn đấu nghiên cứu, hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn rộng hơn để đảm bảo hoạt động của BKS vừa có tính tư vấn, giám sát bảo vệ tối đa lợi ích của các cổ đông và không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Nghiên cứu tài liệu để tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp đột xuất liên quan trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và có các ý kiến phát biểu, đóng góp kịp thời;

- Giám sát các hoạt động của HĐQT thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các quy chế, quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty ban hành;

- Kiểm soát việc thực hiện quỹ tiền lương, thực hiện lao động, thu nhập và thực hiện quyền lợi của người lao động và các hoạt động khác theo Biên bản nghị quyết Hội nghị người lao động hàng năm và Biên bản Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

- Xem xét việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của công ty.

- Bố trí thời gian cao nhất tham gia cùng bộ phận kiểm toán và bộ phận khác thực hiện một số cuộc kiểm tra theo kế hoạch đã lập nhằm hạn chế chồng chéo trong công tác kiểm tra đối với đơn vị.

Trên đây là những nội dung chủ yếu của Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Các TV BKS
- Lưu VT. Thư ký Cty

T/M BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Phạm Xuân Phong

Số: 598/ĐĐTМ-BKS

Cám Phá, ngày 19 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022
của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin
Tại đại hội thường niên năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin số 29/ĐL-ĐĐTМ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2021; Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin;

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty lập ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH PKF Việt Nam số 68/2023/BCKT-PKFVN lập ngày 17 tháng 03 năm 2022.

Căn cứ Công văn số 1682/TKV-KS ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam V/v tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.

Ban Kiểm soát báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacimin đã được kiểm toán năm 2022 như sau:

- Công ty thực hiện mở sổ, ghi chép, hạch toán kế toán đúng theo Chế độ kế toán của Nhà nước tại thông tư số 200/2012/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017 của Tập đoàn V/v quy định tạm thời về mẫu biểu Báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị áp dụng trong TKV.

- Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào thời điểm ngày 31/12/2022 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính năm được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



- Ban Kiểm soát Công ty nhất trí với các số liệu Báo cáo tài chính của Công ty cũng như nhận xét của Kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán, cụ thể:

1. Số liệu bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31/12/2022:

| TT | CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU NĂM |
|----------|--|------------|------------------------|------------------------|
| A | Tài sản ngắn hạn | 100 | 37.955.475.275 | 37.963.856.408 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 1.636.338.371 | 1.683.955.239 |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 24.811.085.872 | 26.578.114.367 |
| 4 | Hàng tồn kho | 140 | 7.591.034.590 | 6.673.032.118 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 3.917.016.442 | 3.028.754.684 |
| B | Tài sản dài hạn | 200 | 174.317.308.171 | 145.063.197.301 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | |
| 2 | Tài sản cố định | 220 | 155.907.375.791 | 125.469.668.284 |
| | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 155.907.375.791 | 125.469.668.284 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | 230 | 6.587.253.871 | 6.991.070.779 |
| 4 | Chi phí XDCB dở dang | 240 | 568.805.601 | 568.805.601 |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | 260 | 11.253.872.908 | 12.033.652.637 |
| | Tổng cộng tài sản (270=100+200) | 270 | 212.272.783.446 | 183.027.053.709 |
| C | Nợ phải trả | 300 | 172.426.572.776 | 143.206.301.208 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 310 | 72.345.772.776 | 65.060.301.208 |
| 2 | Nợ dài hạn | 330 | 100.080.800.000 | 78.146.000.000 |
| D | Vốn chủ sở hữu | 400 | 39.846.210.670 | 39.820.752.501 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 410 | 39.846.210.670 | 39.820.752.501 |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |
| 2 | Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 472.691.257 | 472.691.257 |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 2.467.588.042 | 2.467.588.042 |

| TT | CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU NĂM |
|----|--|-------|-----------------|-----------------|
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối | 421 | 4.107.961.371 | 4.082.503.202 |
| | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | |
| | Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này | 421b | 4.107.961.371 | 4.082.503.202 |
| II | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | - | - |
| | Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400) | 440 | 212.272.783.446 | 183.027.053.709 |

2. Kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2022:

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | Năm nay |
|--|-------|------|-----------------|
| 2 | 2 | 3 | 4 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 334.970.569.701 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 334.970.569.701 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 281.901.474.944 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 53.069.094.757 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 8.816.302 |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính | 22 | VI.4 | 11.183.524.278 |
| Tr.đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 11.183.524.278 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.7 | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 38.598.709.415 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+26)) | 30 | | 3.295.677.366 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.5 | 1.914.504.946 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.6 | 13.479 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 1.914.491.467 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=31+40) | 50 | | 5.210.168.833 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9 | 1.102.207.462 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | |



 CÔNG TY CỔ PHẦN
 THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
 HACO MN
 HÀ - T. Q.

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | Năm nay |
|---|-------|-------|---------------|
| 17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 4.107.962.371 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 1.253 |

3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Các chỉ tiêu tài chính năm 2022 của Công ty, cụ thể:

- Công ty đã bảo toàn được vốn: Vốn chủ sở hữu cuối năm: 39.846.210.670 đồng, trong đó vốn điều lệ 32.797.970.000 đồng, vốn khác của chủ sở hữu 472.691.257 đồng. Quỹ đầu tư phát triển 2.467.588.042 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 4.107.961.371 đồng.

- Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH: Năm 2022 là 4,33 lần, tăng 0,73 lần so với thực hiện năm 2021 (năm 2021 là 3,60 lần); TKV phê duyệt năm 2022: 4,18 lần (cao hơn kế hoạch giao 0,15 lần)

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn: Năm 2022 là: 0,52 lần, giảm 0,06 lần so với thực hiện năm 2021 (năm 2021 là 0,58 lần). TKV phê duyệt năm 2022: 0,62 lần (thấp hơn kế hoạch giao là 0,1 lần);

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt (ROA): năm 2022 thực hiện 2,08%, giảm 0,33% so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 là: 2,41%)

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE): năm 2022 thực hiện 10,31%, tăng 0,06% so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 là: 10,25%)

5. Đánh giá một số chỉ tiêu và hoạt động khác

- Trong năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid đã được khống chế, lượng công nhân mở về quê ăn tết và tiêm phòng mũi 4 Covid. Phục vụ chở du lịch, tham quan điều dưỡng đối với các đơn vị trong và ngoài Tập đoàn. Thực hiện sửa chữa thiết bị cho đơn vị ngoài. Do vậy đã đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động với mức thu nhập bình quân 10.302 đồng/người/tháng = 115,1% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 5.210 triệu đồng = 102,2% kế hoạch.

Hoàn thành công tác đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất, gồm: Dự án: Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2022, Dự án: Dự án đầu tư xây dựng khu điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại Phường Bắc Sơn, Uông Bí, Dự án: Dự án đầu tư mua sắm thiết bị sản xuất năm 2022; Tổng mức đầu tư được Tập đoàn thông qua tại Văn bản số 4569/TKV-KH, ngày 06/10/2022 là 63.704 triệu đồng. Công ty đã tổ chức thực hiện công tác đầu tư tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn; giá trị thực hiện của 03 dự án là: 58.569 triệu đồng.

- Công ty đã thực hiện các quy định pháp luật hiện hành trong sản xuất kinh doanh và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Việc nộp các báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo

khác theo quy định đảm bảo kịp thời, đúng hạn. Việc công bố thông tin các báo cáo theo quy định đúng thời gian, không bị các cơ quan quản lý nhắc nhở về nộp báo cáo và việc công bố thông tin chậm.

Trên đây là kết quả Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin. Ban kiểm soát công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (B/c);
- HĐQT; Ban GD;
- KTT;
- Các TV BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



Phạm Xuân Phong



Cám Phá, ngày 21 tháng 4 năm 2023

Số: 40 /BC-HĐQT

BÁO CÁO

Về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa
Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan trong năm 2023

Kính gửi:

- Các Quý vị cổ đông;
- Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ khoản 3 điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 22/4/2021;

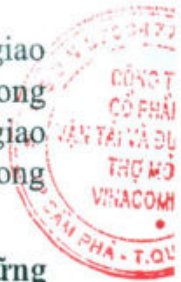
Căn cứ Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số: 10/KH-HĐQT ngày 10/01/2023 của HĐQT công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông của Công ty về kết quả các giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn và những doanh nghiệp có người liên quan trong năm 2022. Đồng thời đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thực hiện các giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn và những doanh nghiệp có người liên quan trong năm 2023, cụ thể như sau:

1. Báo cáo kết quả về các giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn và những người có liên quan năm 2022:

Tổng giá trị giao dịch về vận chuyển CBCNV, sửa chữa xe thực hiện trong năm 2022 giữa Công ty với Tập đoàn TKV là 358,7 tỷ đồng, thông qua các chi nhánh của Tập đoàn TKV, các công ty TNHH MTV mà TKV nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc nắm quyền chi phối là các doanh nghiệp, cụ thể như sau:

| TT | Tên đơn vị | Giá trị giao dịch (tỷ đồng) |
|----|---|-----------------------------|
| 1 | Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin | 12,3 |
| 2 | Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin | 15,9 |
| 3 | Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV | 39,3 |
| 4 | Công ty Than Thống Nhất -TKV | 0,5 |
| 5 | Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin | 23,9 |
| 6 | Công ty Than Khe Chàm - TKV | 26,2 |



Handwritten initials or signature.

| TT | Tên đơn vị | Giá trị giao dịch (tỷ đồng) |
|----|---|-----------------------------|
| 7 | Công ty Than Dương Huy - TKV | 34,1 |
| 8 | Công ty cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin | 1,5 |
| 9 | Công ty Than Quang Hanh-TKV | 7,5 |
| 10 | Công ty cổ phần Vật tư - TKV | 0,7 |
| 11 | Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin | 6,1 |
| 12 | Công ty Xây lắp mỏ - TKV | 8,3 |
| 13 | Công ty Than Hạ Long -TKV | 37,4 |
| 14 | Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin | 8,7 |
| 15 | Công ty Than Nam Mẫu - TKV | 29,3 |
| 16 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 0,7 |
| 17 | Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin | 1,4 |
| 18 | Công ty Than Uông Bí - TKV | 31,4 |
| 19 | Công ty Than Mạo Khê - TKV | 1,8 |
| 20 | Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV | 4,5 |
| 21 | Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin | 11,6 |
| 22 | Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin | 22 |
| 23 | Công ty Than Hòn Gai - TKV | 8,3 |
| 24 | Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin | 13,7 |
| 25 | Công ty cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin | 5,2 |
| 26 | Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV | 0,2 |
| 27 | Công ty cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin | 6,2 |

Ngoài ra Công ty còn có hợp đồng về các lĩnh vực giao dịch, hợp đồng dịch vụ, mua bán vật tư, nhiên liệu với giá trị giao dịch thực hiện trong năm 2022 như sau:

| TT | Tên đơn vị | Giá trị giao dịch (tỷ đồng) |
|----|--|-----------------------------|
| 1 | Công ty cổ phần Vật tư - TKV - XN Vật tư Cẩm Phả | 43,3 |
| 2 | Công ty Than Quang Hanh - TKV | 5,2 |
| 3 | Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV | 0,8 |
| 4 | Bệnh viện Than - Khoáng sản | 0,4 |
| 5 | Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin | 0,3 |
| 6 | Công ty cổ phần Tin học Công nghệ và Môi trường - Vinacomin | 0,3 |
| 7 | Công ty cổ phần than Cao Sơn | 2,9 |
| 8 | Công ty cổ phần Vận tải và Kinh doanh than -Vinacomin | 1,1 |
| 9 | Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp - Vinacomin - XN Thiết kế Than Hòn Gai | 0,4 |

Handwritten signature or initials.

2. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua các giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn và những người có liên quan năm 2023 như sau:

Hiện nay ông Nguyễn Trọng Tốt – Người quản lý phần vốn của TKV là Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty đang tham gia vào HĐQT và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty; đồng thời ông Nguyễn Trọng Tốt còn giữ chức vụ của 04 doanh nghiệp đó là: (i) Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Hà Lâm- Vinacomin; (ii) Chủ tịch HĐQT Công ty CP than Đèo Nai-Vinacomin; (iii) Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin; (iv) Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin.

Ông Phạm Xuân Phong- Phó ban Kiểm soát nội bộ của TKV là Trưởng BKS Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ -Vinacomin đồng thời ông Phạm Xuân Phong còn giữ chức vụ của 04 doanh nghiệp đó là: (i) Kiểm soát viên Công ty Xây lắp mỏ -TKV; (ii) Trưởng BKS Công ty CP than Miền Nam; (iii) Thành viên BKS Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP; (iv) Thành viên BKS Công ty CP cơ khí Hòn Gai- Vinacomin.

Như vậy ngoài các đơn vị trực thuộc TKV có liên quan, một số đơn vị nêu trên đều có quan hệ hợp đồng kinh tế, giao dịch vì cùng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và có cùng người liên quan. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và khoản 3 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán” và Điều 15 - Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ -Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 22/4/2021.

Hội đồng quản trị đề nghị các quý vị cổ đông xem xét thông qua Chủ trương đề Công ty ký và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ -Vinacomin với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

| TT | Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan | Địa chỉ, Mã số thuế | Lĩnh vực giao kết | Giá trị ký/Hợp đồng, giao dịch |
|----|--|---|--|---|
| 1 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Các Công ty trực thuộc TKV và một số Công ty CP do TKV nắm cổ phần chi phối | Số: 226 - Lê Duẩn - TP Hà Nội MST: 5700100256 | Theo danh mục ngành nghề kinh doanh trong giấy phép kinh doanh của các Công ty | Giá trị của các hợp đồng và giao dịch từ 35% > tổng trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất |
| 2 | Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Công ty là chủ tịch HĐQT Đèo Nai) | Phường Cẩm Tây, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh MST: 5700101299 | Như mục 1 | Như mục 1 |

| TT | Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan | Địa chỉ, Mã số thuế | Lĩnh vực giao kết | Giá trị ký/Hợp đồng, giao dịch |
|----|--|--|----------------------|-----------------------------------|
| 3 | Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Công ty là chủ tịch HĐQT Vàng Danh) | Phường Quang Trung, TP Ông Bí, Tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700101877 | Như mục 1 | Như mục 1 |
| 4 | Công ty Xây lắp mỏ - TKV (Người nội bộ Công ty là người nội bộ Xây lắp mỏ) | Phường Cẩm Phú, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700100256 067 | Như mục 1 | Như mục 1 |

Hội đồng quản trị kính đề nghị các Quý vị cổ đông của Công ty xem xét thông qua và giao cho Giám đốc điều hành Công ty ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan nêu trên theo đúng quy định của Pháp luật. Về thời hạn thực hiện các hợp đồng, giao dịch kể từ ngày 01/01/2023 đến khi có thay đổi khác.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin trân trọng đề nghị Đại hội đồng cổ đông của Công ty xem xét thông qua nội dung trên để Công ty thực hiện theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Tốt

Phần thứ nhất

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022 NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

(Báo cáo của Ban Giám đốc trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2022, kinh tế nước ta phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn đảm bảo, một số ngành đã có mức tăng trưởng cao, GDP ước đạt 8,02% là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Sản xuất kinh doanh của Tập đoàn TKV có sự tăng trưởng mạnh mẽ với những chỉ tiêu chính đều vượt mức cao so với kế hoạch và tăng so với cùng kỳ.

Đối với Công ty, mặc dù còn có một số khó khăn như: Một số đơn vị thuộc TKV chào giá các chuyến xe chở công nhân, giá nhiên liệu, vật tư, vật liệu sắt thép tăng cao làm tăng chi phí sản xuất. Đầu năm dịch bệnh Covid-19 vẫn còn ảnh hưởng đến việc đưa đón công nhân các mỏ đi làm và dịch vụ tham quan du lịch. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều giải pháp quyết liệt, kịp thời chỉ đạo giải quyết khó khăn, tận dụng các điều kiện thuận lợi để ổn định, phát triển sản xuất. Kết quả SXKD năm 2022 của Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch, trong đó:

- Tổng doanh thu ước đạt 337 tỷ 092 triệu đồng, bằng 120,4 % so với KH năm và bằng 116,5 % so với năm 2021; trong đó doanh thu sửa chữa xe cho khách hàng là 29 tỷ 122 triệu đồng, đạt 161,8 % so với KH năm và bằng 133,2 % so với năm 2021.

- Lợi nhuận trước thuế ước đạt 5 tỷ 210 triệu đồng, đạt 102,2% so với KH năm và bằng 95,6 % so với năm 2021;

- Lao động bình quân 717 người; tiền lương bình quân của người lao động đạt 10.302.000 đồng/ người/tháng, đạt 115,1% so với KH năm và bằng 109,3 % so với năm 2021.

(Phụ lục 01 kèm theo)

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

1. Công tác Điều hành sản xuất: Hàng ngày huy động từ 230- 235 xe, bố trí trên 500 chuyến, thực hiện 37.000 Km vận hành, đưa đón trên 28.500 lượt CBCN các đơn vị trong TKV vùng Quảng Ninh đi và về trên các khai trường mỏ đảm bảo an toàn, đúng quy định. Xây dựng, triển khai các phương án điều hành đáp ứng yêu cầu sản xuất của các khách hàng. Phối hợp với các mỏ triển khai phương án phòng chống dịch Covid-19 trên xe chở công nhân. Tổ chức, bố trí đưa đón công nhân các mỏ từ các tỉnh trở lại làm việc tại Quảng Ninh, các chuyến xe thực hiện giãn cách theo yêu cầu các mỏ và phục vụ khách hàng đi tiêm Vaccine phòng chống dịch Covid-19. ✓



2. Công tác AT-Bảo vệ-Thanh tra, pháp chế:

- **Công tác AT.** Tổ chức tốt công tác kiểm tra kỹ thuật, an toàn trong Công ty, tăng cường kiểm tra công tác vận hành, kiểm tra đường, bến xe công nhân; chấn chỉnh giải quyết kịp thời các kiến nghị để đảm bảo an toàn; kiểm tra đột xuất việc dừng đỗ trả công nhân tại các điểm trên quốc lộ, kiểm tra định kỳ trên khai trường mỏ. Tổ chức triển khai ký cam kết hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ và tháng công nhân năm 2022. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác ATVSLĐ theo Thông tư 07/2016. Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, ban hành mới các quy chế, quy định trong công tác ATVSLĐ. Hằng quý, 6 tháng, năm tổ chức nhận diện và đánh giá rủi ro từ đó đưa ra những cảnh báo các nguy cơ và biện pháp phòng tránh cho người lao động và các đơn vị, hàng kỳ có phúc tra và đánh giá kết quả thực hiện. Thực hiện kế hoạch ATVSLĐ đạt 2 tỷ 844 triệu đồng = 103% kế hoạch năm. Thực hiện 31/31 phần việc = 100% kế hoạch năm.

- **Công tác Bảo vệ.** Triển khai phương án bảo vệ sản xuất, an ninh trật tự năm 2022 và phương án bảo vệ các ngày lễ tết, các sự kiện chính trị-xã hội trên địa bàn công ty quản lý. Tăng cường công tác bảo vệ ANTT trên xe chở công nhân. Triển khai quy chế phối hợp với công an các phường trên địa bàn, bảo vệ an ninh trật tự, tài sản tại các bến xe và các tuyến đường có xe của công ty hoạt động. Duy trì lực lượng bảo vệ phối hợp với bảo vệ các mỏ kiểm tra phát hiện, ngăn ngừa các vụ việc vi phạm và xử lý theo quy định. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ theo văn bản chỉ đạo của Tập đoàn,

Quản lý tốt phương tiện vũ khí, quân nhân DBĐV, dự bị loại 1 loại 2. Triển khai đầy đủ kịp thời các yêu cầu, chỉ thị của cấp trên, của Ban CHQS thành phố Cẩm Phả và bộ C HQS tỉnh QN. Tổ chức huấn luyện cho 70 tự vệ Công ty. Tổ chức huấn luyện PCCC cho 192 CBCN. Mua sắm trang bị phương tiện PCCC với giá trị 40 triệu 100 nghìn đồng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về PCCC.

- **Công tác thanh tra, giải quyết đơn thư và phòng chống tham nhũng.** Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng theo đúng qui định, thông báo kết luận cho các đơn vị đã kiểm tra. Duy trì chế độ thường trực tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu tố theo quy định.

3. Công tác Kế hoạch, khoán quản trị chi phí- ĐTXD: Căn cứ thông báo các chỉ tiêu kế hoạch PHKD 2022 của Tập đoàn và được ĐHĐCĐ thông qua, xây dựng và giao các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, khoán-quản trị chi phí cho các đơn vị sản xuất. Tổ chức thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022. Tham gia các gói thầu vận chuyển công nhân công ty than Mông Dương, Hạ Long, Hà Tu, Khe Chàm, Vàng Danh, Núi Béo, Quang Hanh, Dương Huy, Hòn Gai, Hà Lâm, Nam Mẫu; công ty Xây Lắp Mỏ, Hóa chất mỏ Cẩm Phả, Tuyển than Cửa Ông. Tổ chức thực hiện các hợp đồng vận chuyển công nhân, sửa chữa xe cho khách hàng, hợp đồng mua bán và các hợp đồng khác phục vụ SXKD theo đúng quy định. Sửa chữa cải tạo các công trình vật thể kiến-trúc đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất.

Kịp thời bổ sung, ban hành các quy chế, quy định, các chỉ tiêu định mức kinh tế-kỹ thuật trong công tác khoán-quản trị chi phí. Kiểm tra, theo dõi đầy đủ các số liệu



đối chiếu sản lượng, doanh thu, chi phí tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu và chi tiêu tiết kiệm trong trong nghiệm thu giao khoán. Tổng hợp phân tích số lượng, chủng loại, giá trị vật tư, nhiên liệu, vật liệu và các yếu tố ảnh hưởng tới chi phí sản xuất để ra các biện pháp tiết kiệm, tiết giảm chi phí. Tổ chức rà soát, duyệt chi phí, xét thưởng các đơn vị tiết kiệm chi phí, giảm trừ các đơn vị sử dụng vượt quá chỉ tiêu giao khoán theo quy định. Cả năm công ty tiết kiệm chi phí 7,6 tỷ đồng, thưởng 762 triệu 319 nghìn đồng.

- Thực hiện kế hoạch Đầu tư-Xây dựng năm 2022

+ Dự án Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2022:

Tổng mức đầu tư: 57.348 trđ, giá trị quyết toán: 56.059 trđ, đưa vào sử dụng ngày 06/07/2022. Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

+ Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị PVSX năm 2022: Tổng mức đầu tư 2.097 trđ, giá trị quyết toán 1.884 trđ đưa vào sử dụng ngày 15/12/2022.

+ Dự án Đầu tư xây dựng Khu điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại P. Bắc Sơn, TP. Uông Bí, tỉnh QN: đã thực hiện Khảo sát, lập quy hoạch chi tiết và Lập hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư, tư vấn trình tự, thủ tục đầu tư với giá trị đầu tư thực hiện 626 triệu đồng từ năm 2020.

(Phụ lục 02 kèm theo)

4. Công tác Kỹ thuật-Vật tư:

- **Công tác Kỹ thuật.** Công tác bảo dưỡng sửa chữa xe và thiết bị đảm bảo chất lượng kỹ thuật, tiến độ, đáp ứng kịp thời cho sản xuất. Duy trì tốt công tác kiểm tra chuyên đề quản lý (phanh lái, nội thất, sảm lốp, quản lý vận hành thiết bị cơ điện khí...). Thực hiện nền nếp chế độ kiểm tra vận hành thiết bị điện, thiết bị nâng tải, thiết bị áp lực và hệ thống tiếp địa phòng chống sét, thử nghiệm định kỳ thiết bị có quy định nghiêm ngặt về an toàn. Thực hiện tốt yêu cầu nội dung kiểm tra của Tập đoàn và của cấp trên về chuyên đề Kỹ thuật - An toàn xe đưa đón công nhân. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường, thu gom rác thải, chất độc hại, xử lý nước thải, trồng cây xanh, tưới nước dập bụi, tổ chức thu dọn vệ sinh tại các đơn vị.

- **Công tác Vật tư.** Tổ chức mua sắm, quản lý và cấp phát sử dụng vật tư bảo đảm đúng quy định của Tập đoàn và của Công ty. Thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm nghiệm chất lượng hàng hoá vật tư nhập, xuất và thu cũ phát mới. Quản lý tốt kho tàng, đảm bảo tốt công tác môi trường và PCCNC. Cung ứng đủ vật tư phục vụ sản xuất, đảm bảo hàng tồn kho đúng quy định. Kịp thời kiểm tra đối chiếu cấp phát nhiên liệu khi có biến động về giá. Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo theo quy định của Tập đoàn.

5. Công tác Kế toán-Thống kê -Tài chính: Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, chứng từ kế toán, hạch toán kế toán, lập các báo cáo theo đúng quy định, chế độ hiện hành. Cung cấp tài liệu làm việc với công ty TNHH kiểm toán PKF về BCTC năm 2021. Tập hợp số liệu lập báo cáo tài chính năm 2022. Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, các khoản nộp ngân sách Nhà nước, các khoản công nợ phải thu, phải trả theo quy định của pháp luật. Tích cực đối chiếu và thu hồi công nợ, chủ động nguồn vốn đáp ứng yêu cầu SXKD, giải ngân các dự án đầu tư, chi trả lương cho NLĐ và thanh



toán các khoản công nợ phải trả. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo đúng quy định, hàng tháng kịp thời cung cấp số liệu phục vụ cho công tác chỉ đạo, quản lý điều hành, và duyệt khoán chi phí của công ty.

6. Công tác Tổ chức-Lao động-Tiền lương: Kiện toàn, duy trì ổn định công tác tổ chức cán bộ. Bổ nhiệm lần đầu 01 trưởng phòng, 02 quản đốc; bổ nhiệm mới 01 phó phòng; miễn nhiệm 01 trưởng phòng, 01 quản đốc, bổ nhiệm lại 03 quản đốc, 06 phó quản đốc. Xây dựng phương án xin chủ trương bổ nhiệm 01 phó Giám đốc. Hoàn thiện quy trình, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm Giám đốc công ty. Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch cán bộ cấp TKV và cấp công ty giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2025-2030. Tổ chức kiểm điểm, đánh giá cán bộ năm 2022. Tổ chức đào tạo, kèm cặp nghề, bổ túc tay lái, thi nâng bậc cho CNKT, xét duyệt nâng lương cho nhân viên, lao động. Thường xuyên kiểm tra công tác quản lý lao động, tiền lương tại các đơn vị, xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm, bồi thường vật chất 01 công nhân. Chấm dứt HĐLĐ 32 người, nghỉ hưu 02 người, tuyển dụng 21 công nhân.

Mặc dù còn có khó khăn, song do được sự quan tâm chỉ đạo tạo điều kiện của Tập đoàn, sự ủng hộ của khách hàng cùng các biện pháp tổ chức SX hợp lý an toàn, tiết kiệm, hiệu quả. Do vậy, năm 2022 tiền lương bình quân của người lao động đạt mức 10.332.000 đồng/người/tháng, đạt 115,4,% KH năm và bằng 109,6% so với năm 2021,

| | |
|-----------------------------|------------------------------|
| <i>Trong đó:</i> | |
| - Lái xe chở người | 10.650.000 đồng/người/ tháng |
| - Thợ CDK | 8.000.000 đồng/người/ tháng |
| - Lao động phục vụ, phụ trợ | 7.200.000 đồng/người/ tháng |
| - Cán bộ quản lý | 14.500.000 đồng/người/ tháng |

7. Công tác đời sống, chăm sóc sức khỏe NLĐ

- Thực hiện đúng các quy định về công tác Y tế, chăm sóc sức khỏe NLĐ, tổ chức tốt công tác thường trực cấp cứu KCB ngoại trú cho CBCNVC Công ty cả 3 vùng Cẩm Phả, Hạ Long, Uông Bí. Giải quyết các chế độ về BHXH, BHYT cho người lao động. Trong năm đã tổ chức khám và phát thuốc cho 1.319 lượt người, làm thủ tục chuyển viện cho 217 lượt người, số người nghỉ ốm là 1.250 lượt với 3.100 công ốm, chi phí khám chữa bệnh là 70 triệu đồng. Tổ chức khám SKĐK cho CBCNV theo quy định, có đầy đủ hồ sơ khám SKĐK, phân loại sức khỏe, theo dõi điều trị cho công nhân có sức khỏe loại IV, loại V. Duy trì tủ thuốc ở các đơn vị, túi thuốc sơ cứu trên xe công nhân. Duy trì tốt công tác VSMT, VSCN, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, phun thuốc diệt côn trùng gây bệnh. Xây dựng các kế hoạch, phương án, triển khai thực hiện kịp thời sự chỉ đạo của cấp có thẩm quyền trong công tác phòng chống dịch nhất là đối với công tác phòng chống dịch Covid-19.

- Quản lý hoạt động của các nhà ăn theo quy định. Tổ chức phục vụ ăn giữa ca, bồi dưỡng ca 3 đảm bảo định lượng, chất lượng, an toàn VSTP với số lượng 145.500 suất ăn công nghiệp, 14.000 suất bồi dưỡng ca 3 và 52.500 suất bồi dưỡng hiện vật. Sản xuất và cấp phát 3.500 bình nước lọc đảm bảo tiêu chuẩn theo qui định. *7/4*

- Thường xuyên duy trì và có các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động như: Sửa chữa cải tạo xây dựng hệ thống nhà xưởng sửa chữa, nhà vệ sinh, sân rửa xe, bể lắng nước thải, nhà điều hành sản xuất và các thiết bị phục vụ ăn, nghỉ cho công nhân cả ba vùng Cẩm Phả, Hạ Long, Uông Bí. Duy trì tốt công tác vệ sinh nhà nghỉ giữa tầm cho lái xe chở người. Tổ chức cho 40 công nhân đi nghỉ mát và hỗ trợ điều trị tại Cửa Lò-Nghệ An, 44 công nhân đi tham quan tại Phú Quốc, 59 cán bộ đi tham quan nghỉ mát tại miền Trung. Hỗ trợ xe để các phân xưởng, khối phòng ban tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ cuối tuần. Rà soát danh sách CBCNV hưởng quà tết của Công đoàn TKV và Công đoàn Công ty. Hoàn thiện hồ sơ hỗ trợ tiền thuê nhà cho CNLĐ với số tiền là 57 triệu đồng, tăng mức ăn giữa ca từ 20.000 đồng lên 25.000 đồng, xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương và chuyển xếp lương mới tăng 6% so với mức lương cũ. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, phân cấp quản lý của Tập đoàn về chế độ chi trả bồi dưỡng độc hại, BHLĐ cá nhân và mua BHXH, BHYT, BHTN cho CNLĐ theo quy định.

8. Phong trào Thi đua - Tuyên truyền

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn và của địa phương, ngay từ đầu năm Công ty đã xây dựng và tổ chức phong trào thi đua, các hoạt động VHMT nhằm tạo khí thế sôi nổi trong hoạt động SXKD, cụ thể:

- Về công tác sáng kiến: Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất của Công ty tiếp tục được duy trì, góp phần tích cực kịp thời giải quyết khó khăn trong sản xuất; nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, tạo không khí lao động hăng say thi đua trong LĐSX của CBCNV trong toàn Công ty. Năm 2022, công tác sáng kiến đạt 53/42 sáng kiến đạt 126% KH với giá trị làm lợi trên 1,8 tỷ đồng, thưởng 109 triệu đồng.

- Về thực hiện công trình việc khó: Duy trì tốt phong trào đăng ký đảm nhận công trình của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong công ty. Trong năm đã thực hiện 12 công trình góp phần tháo gỡ khó khăn trong sản xuất với giá trị hơn 1,2 tỷ đồng.

- Thực hiện tốt phong trào thi đua đạt năng suất cao, tổ xe máy hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm. Thông qua phong trào đã động viên toàn thể người lao động trong Công ty hăng hái thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả đã có 29 xe đạt năng cao, 23 tổ sản xuất hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm. Tổng số tiền thưởng, khuyến khích cho các cá nhân, đơn vị là: 424 triệu đồng. Ngoài ra Công ty còn tổ chức bình xét khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, trong đó có 124 cá nhân xuất sắc trong quý được thưởng 500.000 đồng/người, 05 các nhân xuất sắc từ 3 quý trở lên báo cáo và đề nghị TKV xem xét khen thưởng.

- Tổ chức tham gia thi đấu giải cầu lông cấp Tập đoàn và tham gia các hoạt động VHMT với địa phương. Triển khai kế hoạch tuyên truyền và tổ chức trang trí, khánh tiết, tuyên truyền trực quan các dịp chào mừng, kỷ niệm, lễ tết tạo không khí sôi nổi lành mạnh trong thi đua lao động sản xuất. *TH*



Phần thứ hai
NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

Năm 2023, dự báo kinh tế thế giới còn có những diễn biến phức tạp nhất là biến động giá nguyên, vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất tăng cao. Tập đoàn tiếp tục thực hiện đẩy mạnh đầu tư, phát triển sản xuất, chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực, tăng cường bảo vệ tài nguyên, ranh giới mở, thực hiện tốt nhiệm vụ vừa sản xuất vừa kinh doanh than đáp ứng cho nền kinh tế.

Đối với Công ty, với mục tiêu nhiệm vụ là phải đảm bảo an toàn trong tất cả các lĩnh vực SXKD, nhất là an toàn đưa đón công nhân. Duy trì, nâng cao chất lượng thiết bị, chất lượng dịch vụ. Tăng cường quan hệ, tìm kiếm thêm khách hàng, nâng cao doanh thu đối với dịch vụ đưa đón công nhân, các dịch vụ tham quan du lịch, nghỉ cuối tuần và sửa chữa xe cho khách hàng. Đảm bảo đủ việc làm, cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho người lao động. Đảm bảo lợi nhuận, bảo toàn, phát triển vốn Chủ sở hữu, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2023. Góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu thi đua của Tập đoàn, thực hiện tốt "Mục tiêu kép" vừa phòng dịch vừa tổ chức sản xuất an toàn.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kế hoạch SXKD năm 2023 (theo Quyết định số 327/QĐ-ĐDTM ngày 07/03/2023 của HĐQT Công ty về Tạm giao Kế hoạch SXKD năm 2023):

- Tổng doanh thu là 294 tỷ đồng, chi phí 288 tỷ 800 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế 5 tỷ 200 triệu đồng, lao động bình quân 745 người, tiền lương bình quân là 9 triệu 389 nghìn đồng/ người/ tháng.

2. Kế hoạch trả cổ tức năm 2023: $\geq 4,0\%$ trên vốn điều lệ.

- Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2023 sẽ được biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2024 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2023 của Công ty và nghiệm thu kế hoạch PHKD với TKV.

(Phụ lục 03 kèm theo)

3. Kế hoạch ĐT-XD năm 2023 (theo Quyết định số 328/QĐ-ĐDTM ngày 07/03/2023 của HĐQT Công ty về phê duyệt Kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2023):

- Tổng giá trị là 40 tỷ 900 triệu đồng, trong đó:

+ Dự án Đầu tư thiết bị, phần mềm văn phòng năm 2022 (chuyển tiếp năm 2022) là 1 tỷ 811 triệu đồng;

+ Dự án Đầu tư 20 xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2023 là 31 tỷ 600 triệu đồng;

+ Dự án Đầu tư xây dựng Khu điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại P. Bắc Sơn, TP. Uông Bí, tỉnh QN là 3 tỷ 839 triệu đồng;

+ Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023 là 1 tỷ 800 triệu đồng.

+ Dự án thiết bị, phần mềm văn phòng năm 2022 là 1 tỷ 050 triệu đồng.

(Phụ lục 04 kèm theo)

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Tập trung chỉ đạo triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023 và nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ công ty lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025. Thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo điều hành của Tập đoàn. Phối hợp chặt chẽ, linh hoạt giữa Đảng ủy-HĐQT-GĐ-Công đoàn Công ty đảm



bảo sự thống nhất, đồng bộ trong chỉ đạo tổ chức quản lý điều hành SX; tuyên truyền giáo dục CBCNV người lao động thực hiện đúng các qui định, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hành tiết kiệm chống lãng phí, hoàn thiện các quy trình quản lý, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị doanh nghiệp.

Xây dựng, triển khai các phương án tổ chức sản xuất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm dịch vụ. Tổ chức đưa đón công nhân các mỏ đảm bảo an toàn, đúng quy định, duy trì nâng cao chất lượng phục vụ. Tích cực mở rộng dịch vụ đưa đón công nhân đi làm, về quê nghỉ tết, phục vụ khách tham quan du lịch, nghỉ cuối tuần, sửa chữa xe cho khách hàng. Chủ động, linh hoạt và đạt kết quả tốt trong việc tham gia dự thầu vận chuyển công nhân các đơn vị thuộc Tập đoàn. Duy trì nghiêm thu chi phí hàng tháng, thực hiện tốt cập nhật, phân tích số liệu doanh thu - chi phí để có biện pháp quản trị chi phí tốt nhất.

Triển khai sớm kế hoạch Đầu tư năm 2023 đảm bảo chất lượng, tiến độ dự án hoàn thành để nâng cao năng lực sản xuất và cải thiện chất lượng thiết bị phục vụ công nhân mỏ.

2. Đẩy mạnh đầu tư áp dụng KHCN, chuyển đổi số, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm dịch vụ với giá cả cạnh tranh. Cải thiện môi trường điều kiện làm việc, đảm bảo đủ việc làm, ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động nhất là lái xe chở công nhân và thợ bậc cao. Kiểm tra theo dõi trả lương theo đúng Quy chế, trả lương cho người lao động gắn với vị trí công tác, với năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.

Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và đổi mới quản trị doanh nghiệp; rà soát, bố trí cơ cấu lao động các phòng ban, phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty, chú trọng công tác đào tạo, kèm cặp công nhân kỹ thuật nhất là đối với lái xe chở người.

3. Không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố thiết bị, sự cố cháy nổ, tai nạn giao thông nghiêm trọng và vi phạm an toàn. Thực hiện tốt mục tiêu an toàn "Ba tăng, Ba giảm, Hai không" giai đoạn 2021-2025. Tổ chức nhận diện và đánh giá nguy cơ rủi ro về ATVSLĐ. Nâng cao ý thức chấp hành luật giao thông, các quy định về an toàn, nội quy kỷ luật lao động và ý thức bảo vệ tài sản được giao và tài sản của các đơn vị khác. Chủ động phòng chống mưa bão, cứu hộ, cứu nạn. Tổ chức hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Rà soát, tổng hợp, phân tích nguyên nhân các vụ việc vi phạm, các tai nạn, sự cố nhất là các sự cố có tính lặp lại. Xây dựng, triển khai các giải pháp ngăn ngừa, triệt tiêu sự cố ngay từ đầu năm và thời gian tiếp theo.

4. Tổ chức tốt phương án bảo vệ sản xuất tại các đơn vị và trên địa bàn hoạt động của Công ty. Duy trì các phương án phối hợp với Công an các Phường trên địa bàn và bảo vệ các Công ty ngăn chặn vi phạm tiêu cực, đảm bảo an ninh trật tự. Tăng cường công tác bảo vệ ANTT, an toàn trong các ngày lễ tết, các sự kiện trên địa bàn. Thực hiện đúng sự chỉ đạo của Ban CHQS các cấp. Bảo quản và sử dụng an toàn vũ khí, thiết bị được trang bị. Thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn PCCC, làm tốt công tác vệ sinh phòng cháy, không để xảy ra cháy nổ. Tổ chức triển khai nghiêm túc kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Tập đoàn trong Công ty.

5. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện quy trình kiểm tu, sửa chữa, bảo dưỡng các cấp và tu bổ xe trước, sau ca sản xuất. Tất cả các thiết bị đều được thực



hiện đúng các quy trình kỹ thuật, bảo dưỡng các cấp theo quy định, đảm bảo kỹ thuật an toàn phục vụ sản xuất. Duy trì sử dụng hiệu quả hệ thống giám sát hành trình GPS, hệ thống Camera trang bị trên xe chở công nhân. Tổ chức thực hiện tốt công tác môi trường, công tác pháp chế, công tác khám nghiệm định kỳ thiết bị cơ điện, nâng tải, sinh khí, tiếp địa, thử nghiệm định kỳ thiết bị có quy định nghiêm ngặt về an toàn. Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nhất là về công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý điều hành phương tiện vận tải và quản trị nội bộ.

6. Quản lý chặt chẽ công tác vật tư trong tất cả các khâu từ khi lập kế hoạch nhu cầu cho đến khi sử dụng theo đúng quy định. Ưu tiên sử dụng vật tư sản xuất trong nước và trong nội bộ Tập đoàn với giá cạnh tranh. Đảm bảo an toàn hàng hoá, vệ sinh môi trường. Thường xuyên theo dõi biến động giá nhiên liệu để có biện pháp xử lý kịp thời.

7. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước, của Tập đoàn, của Công ty và các nội dung đã đề ra trong Thỏa ước lao động tập thể đối với người lao động, nội quy lao động. Chú trọng cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt, nghỉ ngơi; tổ chức tham quan, nghỉ dưỡng; giải quyết trang bị BHLĐ, bồi dưỡng độc hại cho người lao động nhất là đối với lái xe chở người và thợ bậc cao. Tổ chức tốt công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu, khám SKĐK, phòng chống dịch bệnh, khám; cấp phát thuốc, khám sức khoẻ định kỳ cho CNCB. Tổ chức tốt bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại... cho CNCB bảo đảm chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

8. Tham gia đầy đủ các hoạt động nhân đạo xã hội. Phối hợp thực hiện tốt công tác xã hội, nhà trường, địa phương. Quản lý, sử dụng các quỹ đóng góp của NLĐ và quỹ xã hội của Công ty đảm bảo công khai, công bằng, đúng mục đích. Tổ chức các hoạt động văn hoá thể thao của Công ty và tham gia với Tập đoàn, địa phương nâng cao sức khỏe cho người lao động.

9. Phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất; phong trào tổ xe máy đạt năng suất cao, phong trào sáng kiến, công trình việc khó... Động viên, tạo điều kiện để CBCNV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2023. Tiếp tục phấn đấu xây dựng môi trường làm việc thân thiện an toàn vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp thực hiện. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua./

Cám Phá, ngày tháng năm 2023

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban GD;
- Lưu VT, TK Công ty.



Vũ Mạnh Dũng

Phụ lục số 01

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022:

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | KH năm 2022 | THỰC HIỆN năm 2022 | So sánh (%) | |
|------------|----------------------|------------------------|----------------|--------------------|--------------|--------------------|
| | | | | | KH 2022 | Thực hiện năm 2021 |
| I | Sản lượng | | | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 5.250.000 | 5.004.866 | 95,3 | 97,8 |
| 2 | Tkm chờ CN | Tkm | 26.500.000 | 27.877.215 | 105,2 | 101,7 |
| 3 | Km vận chuyển | Km | 11.000.000 | 11.327.751 | 103 | 102,9 |
| II | Doanh thu | Trđ | 280.000 | 337.092 | 120,4 | 116,5 |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 260.000 | 304.634 | 117,2 | 114,9 |
| 2 | Sửa chữa | " | 18.000 | 29.122 | 161,8 | 133,2 |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | 3.336 | 166,8 | 141,4 |
| III | Chi phí | " | 274.900 | 331.882 | 120,7 | 116,9 |
| IV | LN trước thuế | " | 5.100 | 5.210 | 102,2 | 95,6 |
| V | LĐ bình quân | Người | 745 | 717 | 96,2 | 98,6 |
| VI | TN bình quân | 1000đ ng/th | 8.950 | 10.302 | 115,1 | 109,3 |



Handwritten mark or signature.

Phụ lục số 02

Thực hiện kế hoạch ĐT-XD năm 2022

ĐVT: Triệu đồng

| TT | TÊN CÔNG TRÌNH | Thời gian khởi công-hoàn thành (được duyệt/DK) | Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến) | Đơn vị | Khối lượng | Tổng số | Thực hiện |
|-----|--|--|--------------------------------------|--------|------------|---------|---------------|
| | TỔNG SỐ | | 63.704 | | | | 58.569 |
| A | Trả nợ khối lượng năm trước | | | | | | |
| III | Dự án nhóm C | | | | | | |
| 1 | Đầu tư mua sắm máy photocopy mua thiết bị văn phòng 2021 | 2021 | 199 | Cái | | | |
| B | Theo kế hoạch giao/thông báo (B1+B2+B3) | | | | | | |
| B1 | Dự án chuyển tiếp | | | | | | |
| B2 | Dự án khởi công mới | | | | | | |
| I | Dự án nhóm A | | | | | | |
| II | Dự án nhóm B | | | | | | |
| III | Dự án nhóm C | | | | | | |
| 1 | Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2022 | 2022 | 57.348 | Cái | 20 | | 56.059 |
| 2 | Đầu tư xây dựng Khu điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại P. Bắc Sơn, TP. Uông Bí, tỉnh QN năm 2022 | | 4.039 | | | | 626 |
| 3 | Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 | 2022 | 2.068 | | | | 1.884 |
| B3 | Chuẩn bị dự án | | | | | | |
| 1 | Đầu tư thiết bị, phần mềm văn phòng năm 2022 | 2022 | 50 | | | | |

- Tình hình thực hiện các dự án :

- + Dự án Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2022:

Tổng mức đầu tư: 57.348 trđ, giá trị quyết toán: 56.059 trđ, đưa vào sử dụng ngày 06/07/2022. Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. ✓

+ Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị PVSX năm 2022: Tổng mức đầu tư 2.097 trđ, giá trị quyết toán: 1.884 Trđ, đưa vào sử dụng ngày 15/12/2022.

+ Dự án Đầu tư xây dựng Khu điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại P. Bắc Sơn, TP. Uông Bí, tỉnh QN: đã thực hiện Khảo sát, lập quy hoạch chi tiết và Lập hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư, tư vấn trình tự, thủ tục đầu tư với giá trị đầu tư thực hiện 626 triệu đồng từ năm 2020.

* Nhận xét chung:

Trong năm 2022, Công ty thực hiện các dự án đầu tư được ghi trong KHĐT năm 2022 đảm bảo chất lượng, tiến độ đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

Trong quá trình thực hiện dự án như: Lập dự án, Quản lý dự án, lập, phê duyệt HSMT, đăng tải, mở thầu, xét thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu, ký kết thực hiện hợp đồng vv... được công ty thực hiện đúng theo pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn về quản lý đầu tư xây dựng của Tập đoàn và của Nhà nước. ✎

2022
15/12
15/12
15/12

Phụ lục số 03

1. Kế hoạch SXKD năm 2023 (theo Quyết định số 327/QĐ-ĐDTM ngày 07/03/2023 của HĐQT Công ty về phê duyệt Tạm giao Kế hoạch SXKD năm 2023):

| TT | CHỈ TIÊU | ĐVT | DỰ KIẾN KH SXKD 2023 |
|------------|-----------------------------|------------------|-------------------------|
| I | Sản Lượng | | |
| 1 | Vận chuyển công nhân | | |
| | - Theo vé | Vé | 4.300.000 |
| | - Theo Tkm | Tkm | 30.000.000 |
| | - Km vận chuyển | Km | 11.000.000 |
| II | Doanh thu | Tr.đ | 294.000 |
| 1 | Vận chuyển công nhân | " | 272.000 |
| 2 | Sửa chữa | " | 20.000 |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 |
| III | Chi phí | " | 288.800 |
| IV | Lợi nhuận trước thuế | " | 5.200 |
| V | Lao động BQ | Người | 745 |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/N/T | 9.389 |

2. Kế hoạch trả cổ tức năm 2023: Dự kiến $\geq 4\%$ /VĐL

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế: 5,2 tỉ đồng
- Dự kiến lợi nhuận sau thuế: 4,16 tỉ đồng
- Dự kiến chi trả cổ tức: 1,312 tỉ đồng (tương ứng 4%)
- Dự kiến còn lại chi các quỹ: 2,848 tỉ đồng

Phụ lục số 04
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023

(Theo Quyết định số 328/QĐ-ĐĐTĐM ngày 07 tháng 03 năm 2023 của HĐQT Công ty)

ĐVT: Triệu đồng

| TT | TÊN CÔNG TRÌNH | Thời gian khởi công hoàn thành (được duyệt/dự kiến) | Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến) | Đơn vị | Khối lượng | Tổng số | Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp | | | Nguồn vốn | | | |
|-----------|--|---|--------------------------------------|--------|------------|---------------|-----------------------------|---------------|--------------------------------|----------------|----------------|---------------------|---------------|
| | | | | | | | Xây dựng | Thiết bị | Quản lý, tư vấn, GPMB, khác... | Vay thương mại | Vốn chủ sở hữu | Quỹ phúc lợi đơn vị | Huy động khác |
| | TỔNG SỐ | | | | | 40.900 | 3.127 | 33.897 | 3.876 | 25.161 | 15.739 | | |
| A | TRẢ NỢ KHỐI LƯỢNG NĂM TRƯỚC | | | | | 1.811 | | 1.797 | 14 | | 1.811 | | |
| | Dự án nhóm C | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 | 2022-2023 | 2.068 | | | 1.811 | | 1.797 | 14 | | 1.811 | | |
| B | KẾ HOẠCH 2023 | | | | | 800 | | | 800 | | 800 | | |
| B1 | KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN | | | | | | | | | | | | |
| | I DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP | | | | | | | | | | | | |
| | II DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI | | | | | | | | | | | | |
| B2 | CHUẨN BỊ DỰ ÁN | | | | | 800 | | | 800 | | 800 | | |
| | Dự án nhóm C | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2023 | 2023 | 64.000 | | | 500 | | | 500 | | 500 | | |
| 2 | Đầu tư xây dựng Khu nhà điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại khu Khe Ngát, phường Bắc Sơn, TP Uông Bí, tỉnh QN | 2023-2025 | 13.335 | | | 200 | | | 200 | | 200 | | |
| 3 | Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023 | 2023 | 2.000 | | | 100 | | | 100 | | 100 | | |
| C | DỰ PHÒNG | | | | | 38.289 | 3.127 | 32.100 | 3.062 | 25.161 | 13.128 | | |
| | Dự án nhóm C | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2023 | 2023 | 64.000 | Cái | 20 xe K47 | 31.600 | | 29.400 | 2.200 | 22.700 | 8.900 | | |
| 2 | Đầu tư xây dựng Khu nhà điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại khu Khe Ngát, P. Bắc Sơn, TP Uông Bí, tỉnh QN | 2023-2025 | 13.335 | | | 3.839 | 3.127 | | 712 | 2.461 | 1.378 | | |
| | <i>Xây dựng tường rào và sân đỗ xe</i> | | | | | <i>3.839</i> | <i>3.127</i> | | <i>712</i> | <i>2.461</i> | <i>1.378</i> | | |
| 3 | Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023 | 2023 | 2.000 | | | 1.800 | | 1.700 | 100 | | 1.800 | | |
| 4 | Đầu tư thiết bị, phần mềm văn phòng năm 2022 | 2023 | 1.150 | | | 1.050 | | 1.000 | 50 | | 1.050 | | |

Cám Phả, ngày 16 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022
Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
(Trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sửa đổi bổ sung thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về quản trị công ty, kết quả hoạt động và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022-Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của HĐQT như sau:

Phần 1
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022

Năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Tích cực nghiên cứu, tìm hiểu các chế độ chính sách mới, quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc trong nội bộ Công ty; đã thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cấp có thẩm quyền. Các thành viên HĐQT đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công theo Điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. Thực hiện Quy chế phối hợp giữa Đảng và Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ, giai đoạn 2021-2025.

Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo bộ máy điều hành quản lý công ty chặt chẽ, minh bạch, đúng pháp luật, tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, họp HĐQT, ban hành Nghị quyết, quyết định giao Giám đốc tổ chức thực hiện. Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo thẩm quyền. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế nội bộ và triển khai thực hiện theo đúng các chế độ, chính sách, quy định hiện hành.

1. Về nhân sự Hội đồng quản trị

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2022 | |
|----|-----------------------|---------------------------------|---------------------------------------|----------------|
| | | | Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước | Sở hữu cá nhân |
| 1 | Ông: Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT | 3.123.809 cổ phần | 0 |
| 2 | Ông: Phan Văn Cường | Thành viên HĐQT- Giám đốc | | 1.073 cổ phần |
| 3 | Ông: Lương Văn Hiếu | Thành viên HĐQT chuyên trách | | 1.073 cổ phần |

ly



Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, 01 thành viên chuyên trách, 01 thành viên tham gia điều hành. Các thành viên HĐQT được phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với trình độ, năng lực, kinh nghiệm của mình theo sự phân công của HĐQT.

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị: (Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

| TT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|----|------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | 13 | 13/13 | |
| 2 | Phan Văn Cường | 13 | 13/13 | |
| 3 | Lương Văn Hiếu | 13 | 13/13 | |

3. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2022 Hội đồng quản trị đã tổ chức 01 lần Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tổ chức 13 lần họp toàn thể, ban hành 15 nghị quyết, 17 quyết định về tổ chức quản lý chỉ đạo điều hành sản xuất. Bám sát các chủ trương kế hoạch, các giải pháp chỉ đạo của Tập đoàn cũng như thực tế sản xuất của Công ty để kịp thời chỉ đạo bộ máy điều hành khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất. Sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý trong nội bộ công ty nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị Doanh nghiệp. Kiện toàn nhân sự Giám đốc, bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT, quan tâm công tác quy hoạch cán bộ. Qua đó, các mặt hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh, thực hiện chủ chương chính sách của Đảng, Nhà nước, bảo vệ môi trường... của công ty đạt kết quả tốt.

Tôn trọng quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty. Tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Tiếp thu, xem xét giải quyết các kiến nghị của Ban kiểm soát để khắc phục, hoàn thiện các mặt quản lý.

HĐQT và ban Giám đốc điều hành thường xuyên có sự phối hợp công tác, trao đổi ý kiến để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ, trong chấp hành luật pháp và trong các mặt công tác khác có liên quan của Công ty. Định kỳ sơ kết sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm kiểm điểm các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ ra những tồn tại hạn chế và các biện pháp chỉ đạo trọng tâm trong thời gian tới.

3.1. Kết quả SXKD

- Trong năm, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và do một số đơn vị thuộc TKV chào giá các chuyến xe chở công nhân, giá nhiên liệu vật tư đầu vào tăng cao làm tăng chi phí sản xuất. Song, HĐQT đã cùng Ban lãnh đạo điều hành có nhiều giải pháp chỉ đạo quyết liệt, kịp thời trong hoạt động SXKD, tăng cường các biện pháp quản trị chi phí. Qua đó các mặt sản xuất, an toàn, an ninh trật tự được đảm bảo; sản lượng, doanh thu và thu nhập của người lao động ổn định và vượt mức kế hoạch, thực hiện tốt kế hoạch PHKD với Tập đoàn và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 với kết quả sau:

- Tổng doanh thu đạt 337,092 tỷ đồng, đạt 120,39% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông và bằng 116,5% so với năm 2021.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 5,210 tỷ đồng, đạt 102,16 % so với kế hoạch và bằng 95,54%. so với năm 2021. Dự kiến chia cổ tức 4,0% trên vốn điều lệ. Đảm bảo đủ việc làm ổn định thu nhập, quan tâm giải quyết đầy đủ, kịp các chế độ chính sách với người lao động.



ly

3.2. Công tác bảo toàn và phát triển vốn

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2021 | Năm 2022 |
|----|--------------------------------------|------|-----------------|-----------------|
| 1 | Tài sản | VND | 183.027.053.709 | 212.272.783.446 |
| | - Tài sản ngắn hạn | VND | 37.963.856.408 | 37.955.475.275 |
| | - Tài sản dài hạn | VND | 145.063.197.301 | 174.317.308.171 |
| 2 | Nguồn vốn | VND | 183.027.053.709 | 212.272.783.446 |
| | - Nợ phải trả | VND | 143.206.301.208 | 172.426.572.776 |
| | - Vốn chủ sở hữu | VND | 39.820.752.501 | 39.846.210.670 |
| 3 | Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH | Lần | 3,60 | 4,33 |
| 4 | Hệ số nợ phải trả/Vốn điều lệ | Lần | 4,37 | 5,26 |
| 5 | Tỷ số lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA) % | % | 2,41 | 2,08 |
| 6 | Tỷ số lợi nhuận ròng/Vốn CSH (ROE) % | % | 10,25 | 10,31 |
| 7 | Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần | 0,58 | 0,52 |
| 8 | Định mức tín dụng ngắn hạn | Tr.đ | 14.882 | 21.824 |

4. Thực hiện nhiệm vụ giám sát

Căn cứ vào Điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT Công ty, HĐQT đã giám sát Ban giám đốc, cán bộ quản lý thông qua việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Ban giám đốc đã kịp thời tổ chức triển khai các Nghị quyết, quyết định, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của TKV và của HĐQT. Thực hiện tốt công tác quản lý, quản trị chi phí; tổ chức - điều hành sản xuất linh hoạt; tổ chức phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, quan hệ tốt với khách hàng để đưa xe vào sửa chữa tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động. Công tác Đầu tư - Xây dựng được tổ chức thực hiện đúng quy định, tiết kiệm, đảm bảo tiến độ chất lượng dự án hoàn thành có tính đến sự phát triển lâu dài của Công ty.

4.1. Công tác Đầu tư xây dựng

Trong năm Công ty thực hiện kế hoạch ĐTXD được 58,569/63,704 tỷ đồng 92,25 % so với kế hoạch, trong đó:

- Dự án Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2022:

Tổng mức đầu tư: 57.348 trđ, giá trị quyết toán: 56.059 trđ, đưa vào sử dụng ngày 06/07/2022. Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị PVSX năm 2022: Tổng mức đầu tư 2.068 trđ, giá trị quyết toán: 1.884 Trđ, đưa vào sử dụng ngày 15/12/2022.

- Dự án Đầu tư xây dựng Khu điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại P. Bắc Sơn, TP. Uông Bí, tỉnh QN: đã thực hiện Khảo sát, lập quy hoạch chi tiết và Lập hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư, tư vấn trình tự, thủ tục đầu tư với giá trị đầu tư thực hiện 626 triệu đồng từ năm 2020.



4.2. Công tác quản lý lao động tiền lương

Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định, hướng dẫn của Nhà nước, của Tập đoàn và của Công ty về công tác TCLĐ - TL. Ban hành các văn bản quy định giao đơn giá tiền lương. Hệ thống thang lương, bảng lương. Quy định về mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương một số vị trí công việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm, ưu tiên tiền lương cho lao động sản xuất chính (lái xe chở người). Bổ sung tiền lương nhân các dịp lễ, tết. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, phân cấp quản lý của Tập đoàn về chế độ chi trả bồi dưỡng độc hại, BHLĐ và mua BHXH, BHYT, BHTN cho CNLĐ theo quy định. Giải quyết trang bị BHLĐ các nhân, bồi dưỡng độc hại kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ đối với người lao động.

Lao động bình quân 717 người (*giảm 28 lao động so với KH*). Thu nhập bình quân đạt 10,302 nghìn đồng/người/ tháng = 115,11% kế hoạch và bằng 109, 29% so với năm 2021.

4.3. Công tác tái cơ cấu, đổi mới quản trị nội bộ.

Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020 theo công văn số: 2520/TKV-TCNS, ngày 08/6/2021 của TKV. Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện mô hình tổ chức và đổi mới quản trị doanh nghiệp; rà soát, bố trí cơ cấu lao động các phòng ban, phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty.

5. Thực hiện mối quan hệ công tác với tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội

Trong năm, HĐQT phối hợp cùng Đảng ủy, Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo các quy định pháp luật và Quy chế 16-QCPH/ĐU-HĐQT, ngày 08/3/2021 giữa Đảng và Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty. Trong các cuộc họp hằng tháng, quý hoặc họp đột xuất khi cần thiết, Người đại diện phần vốn của TKV và những Người đại diện của TKV tại Công ty, HĐQT, Giám đốc công ty trao đổi với Đảng ủy công ty những vấn đề quan trọng về SXKD, Quốc phòng, an ninh trật tự, công tác tái cơ cấu, tổ chức và cán bộ bằng hình thức trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản với Thường trực Đảng ủy. Hằng tháng, quý, Người đại diện phần Vốn/Người đại diện của TKV tại công ty, Giám đốc công ty đồng thời là Bí thư cấp ủy trao đổi trực tiếp với Thường trực hoặc tại các cuộc họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ công ty. Qua đó các mặt sản xuất, an toàn, an ninh trật tự đảm bảo, ổn định việc làm, cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho người lao động. Trong quá trình hoạt động, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh công ty để chỉ đạo, động viên CNCB đoàn kết thống nhất vì mục tiêu ổn định và phát triển chung của công ty.

*** Đánh giá chung:** Trong năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao. Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo bộ máy điều hành quản lý công ty chặt chẽ, minh bạch, đúng pháp luật, tuân thủ các quy định pháp luật, của TKV và của Công ty, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT. Chú trọng công tác khoán quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã phát huy trình



độ, khả năng bản thân để thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Công ty và của chủ sở hữu.

Phần 2 PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2023

1. Kế hoạch SXKD năm 2023

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2023 | Ghi chú |
|-------------|-----------------------------|-------------------------|----------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I | Sản lượng | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 4.300.000 | |
| 2 | TKm chở công nhân | TKm | 30.000.000 | |
| 3 | KM vận hành | Km | 11.000.000 | |
| II | Doanh thu | Tr.Đồng | 294.000 | |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 272.000 | |
| 2 | Sửa chữa xe | " | 20.000 | |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | |
| III | Chi phí | " | 288.800 | |
| IV | Lợi nhuận TT | " | 5.200 | |
| V | Lao động BQ | Người | 745 | |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/ ng.th | 9.389 | |
| VII | Trả cổ tức (dự kiến) | % | ≥ 4 | |
| VIII | Đầu tư xây dựng | Tr.Đồng | 40.900 | |

17326-C
CÔNG TY
PHÂN
PHỐI VÀ DƯA ĐÓ
NHỖ MỎ
KACOMIN
T.QUẬN

2. Về công tác chỉ đạo điều hành sản xuất và các giải pháp thực hiện

2.1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao. Thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo điều hành của Tập đoàn. Phối hợp chặt chẽ, linh hoạt giữa Đảng ủy-HĐQT-GĐ-Công đoàn Công ty đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong chỉ đạo tổ chức quản lý điều hành SX. Tuyên truyền giáo dục CBCNV người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Triển khai đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chống lãng phí, hoàn thiện các quy trình quản lý. Bảo toàn phát triển vốn, đảm bảo quyền lợi chính đáng của các cổ đông. Thực hiện kế hoạch cổ tức năm 2023 đạt: $\geq 4\%$ trên vốn điều lệ.

2.2. Chủ động tham gia đạt kết quả tốt trong việc đấu thầu chào giá vận chuyển công nhân. Tích cực mở rộng dịch vụ phục vụ khách tham quan du lịch, nghỉ cuối tuần, sửa chữa xe cho khách hàng tạo thêm doanh thu, việc làm, thu nhập cho người lao động. Đẩy mạnh đầu tư áp dụng KHCN, chuyển đổi số, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm dịch vụ, hạ giá thành sản phẩm dịch vụ, cải thiện môi trường điều kiện làm

việc, đảm bảo đủ việc làm, ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động nhất là lái xe chở công nhân và thợ bậc cao. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và đổi mới quản trị doanh nghiệp; rà soát, bố trí cơ cấu lao động các phòng ban, phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.3. Triển khai kịp thời, nghiêm túc các quy định của Nhà nước, hướng dẫn của Tập đoàn. Rà soát sửa đổi bổ sung ban hành mới các Quy chế quản trị nội bộ. Thực hiện quyết liệt các giải pháp quản trị nội bộ, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị Doanh nghiệp. Chỉ đạo giải quyết các phát sinh, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2.4. Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý, điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, quy định của Tập đoàn, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị.

2.5. Phối hợp chặt chẽ với BCH Đảng ủy và các tổ chức chính trị-xã hội trong Công ty thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế chính trị, tạo động lực phát triển sản xuất; phấn đấu xây dựng uy tín, thương hiệu và sự phát triển bền vững của công ty.

Trên đây là báo cáo về quản trị công ty, kết quả hoạt động và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022- Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023. HĐQT xin trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến của quý vị đại biểu cổ đông./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn (Báo cáo)
- Các cổ đông công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc, viên chức quản lý;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu: VT, TK Công ty.



Nguyễn Trọng Tốt

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 27 /BC-HĐQT, ngày 16 tháng 3 năm 2023)

| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày/ tháng | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|------------------------------|----------------|--|--------------------|
| 1 | 03/NQ-HĐQT | 06/01 | NQ họp HĐQT ngày 06/01 | 3/3 |
| 2 | 06/QĐ-HĐQT | 06/01 | QĐ Phê duyệt kế hoạch ĐTXD 2022 | |
| 3 | 07/QĐ-HĐQT | 06/01 | QĐ chuyển xếp lương thành viên HĐQT chuyên trách | |
| 4 | 08/QĐ- HĐQT | 06/01 | QĐ ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của TKV năm 2022 | |
| 5 | 19/NQ-HĐQT | 28/02 | NQ họp HĐQT ngày 28/02 | 3/3 |
| 6 | 20/QĐ-HĐQT | 16/3 | QĐ thành lập tổ chuyên gia thẩm định hồ sơ dự án Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2022 của Công ty | |
| 7 | 24/NQ-HĐQT | 28/3 | NQ họp HĐQT ngày 28/3 | 3/3 |
| 8 | 25/NQ-HĐQT | 28/3 | NQ thông qua và phê duyệt định mức tín dụng ngắn hạn bình quân và một số hệ số tài chính năm 2022 | 3/3 |
| 9 | 26/QĐ-HĐQT | 28/3 | QĐ Phê duyệt dự án đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2022 - Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin | |
| 10 | 27/QĐ-HĐQT | 28/3 | QĐ Phê duyệt điều chỉnh, chuyển bước kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 đối với dự án đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2022 - Công ty CP Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin | |
| 11 | 28/QĐ-ĐĐTM | 29/3 | QĐ ban hành Quy chế dân chủ trong công ty | |
| 12 | 31/QĐ-HĐQT | 29/3 | QĐ ban hành Quy chế kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu trong công ty | |
| 13 | 46/QĐ-HĐQT | 22/4 | QĐ ban hành kế hoạch SXKD năm 2022 | |
| 14 | 49/NQ-HĐQT | 12/5 | NQ họp HĐQT ngày 12/5 | 3/3 |
| 15 | 54/NQ-HĐQT | 08/07 | NQ họp HĐQT ngày 08/7 | 3/3 |
| 16 | 56/NQ-HĐQT | 19/7 | NQ họp HĐQT ngày 19/7 | 3/3 |
| 17 | 57/QĐ- HĐQT | 19/7 | QĐ phê duyệt điều chỉnh, chuyển bước kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 đối với Dự án đầu tư mua sắm thiết bị sản xuất năm 2022 | |
| 18 | 72/NQ-HĐQT | 29/9 | NQ họp HĐQT ngày 29/9 | 3/3 |
| 19 | 74/NQ-HĐQT | 12/10 | NQ họp HĐQT ngày 12/10 | 3/3 |
| 20 | 75/QĐ-HĐQT | 12/10 | QĐ phê duyệt kế hoạch ĐTXD năm 2022 | |



| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày/ tháng | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|------------------------------|----------------|--|--------------------|
| | | | điều chỉnh | |
| 21 | 78/NQ-HĐQT | 10/11 | NQ họp HĐQT ngày 10/11 | 3/3 |
| 22 | 83/QĐ- ĐĐTM | 15/11 | QĐ ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương trong Công ty | |
| 23 | 84/QĐ- HĐQT | 16/11 | QĐ thành lập tổ thẩm tra hồ sơ quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án: Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2022 | |
| 24 | 1338/QĐ-ĐĐTM | 21/11 | QĐ ban hành quy chế Quản lý cán bộ trong Công ty. | |
| 25 | 81/NQ-HĐQT | 12/12 | NQ họp HĐQT ngày 12/12 về việc thông qua Phương án thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm Giám đốc Công ty. | 3/3 |
| 26 | 82/NQ-HĐQT | 12/12 | NQ họp HĐQT ngày 12/12 về việc thống nhất nhân sự bổ nhiệm Giám đốc Công ty. | 3/3 |
| 27 | 87/NQ-HĐQT | 28/12 | NQ họp HĐQT ngày 28/12 | 3/3 |
| 28 | 89/NQ-HĐQT | 28/12 | NQ họp HĐQT ngày 28/12 | 3/3 |
| 29 | 91/NQ-HĐQT | 28/12 | NQ họp HĐQT ngày 28/12 | 3/3 |
| 30 | 1228/QĐ-ĐĐTM | 28/12 | QĐ phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án: Đầu tư xe ô tô duy trì sản xuất năm 2022 | |
| 31 | 1591/QĐ-ĐĐTM | 28/12 | QĐ về việc nghi việc để hưởng chế độ hưu trí (ông Phan Văn Cường Giám đốc Công ty được nghi việc để hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/01/0223) | |
| 32 | 1589/QĐ-ĐĐTM | 28/12 | QĐ về việc bổ nhiệm cán bộ (ông Vũ Mạnh Dũng giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/01/0223) | |



ly



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00, ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin, Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm có:

- | | | |
|--------------------------|---------------------|------------|
| 1. Ông Trần Đình Lực | Phó TP. AT- BV | Trưởng ban |
| 2. Ông Đỗ Ngọc Khánh | Phó TP. TC- HC | Thành viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Nhung | Nhân viên P. KTTK | Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Thị Hải Yến | Nhân viên P. TC- HC | Thành viên |

Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các đại biểu cổ đông tới dự đại hội với kết quả cụ thể như sau:

Tổng số cổ đông có quyền tham dự đại hội theo danh sách của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam ngày 16/3/2023 là 330 cổ đông, đại diện cho 3.195.853 cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tham dự Đại hội có 5/5 cổ đông, đại diện cho 3.195.853 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 97,44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, trong đó:

1. Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty - Đại diện cho cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với số cổ phiếu sở hữu 3.123.809, tương ứng tỷ lệ 97,74 % số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

2. Ông Lương Văn Hiếu - TVHĐQT chuyên trách công ty - Đại diện ủy quyền của 150 cổ đông với số cổ phiếu sở hữu 29.735, tương ứng tỷ lệ 0,93% số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

3. Ông Vũ Mạnh Dũng - Giám đốc Công ty- Đại diện ủy quyền của 71 cổ đông với số cổ phiếu sở hữu 13.845, tương ứng với tỷ lệ 0,43 % số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

4. Ông Trần Khánh Nga - Phó Bí thư Đảng ủy công ty - Đại diện 79 cổ đông với số cổ phiếu sở hữu 22.518 tương ứng với tỷ lệ 0,7 % số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

5. Ông Nguyễn Việt Hưng - Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty- Đại diện cho 29 cổ đông với số cổ phiếu sở hữu 5.946 tương ứng với tỷ lệ 0,20 % số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin đã được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22/4/2021;

Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin với thành phần dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi 08h30 ngày 26 tháng 4 năm 2023 và được báo cáo công khai trước Đại hội.

**TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN**



Trần Đình Lực



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
 THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
 VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT THÔNG QUA
 CÁC NỘI DUNG TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Hôm nay, ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin đã tín nhiệm bầu Ban kiểm phiếu chúng tôi gồm những người có tên sau:

1. Ông: Trần Đình Lược - Trưởng ban
2. Ông: Đỗ Ngọc Khánh - Thành viên
3. Bà : Nguyễn Thị Nhung - Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình nghị sự của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tham gia biểu quyết có 05 (năm) đại biểu, đại diện cho 330 cổ đông với 3.195.853 cổ phần đại diện cho 97,44 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

I. Kết quả bầu Chủ tọa Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu:

1. Bầu Chủ tọa Đại hội:

- Số thẻ biểu quyết hợp lệ : 05 thẻ
- Số thẻ biểu quyết không hợp lệ: 0 thẻ

2. Bầu Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Số thẻ biểu quyết hợp lệ : 05 thẻ
- Số thẻ biểu quyết không hợp lệ: 0 thẻ

3. Bầu Ban kiểm phiếu:

- Số thẻ biểu quyết hợp lệ : 05 thẻ
- Số thẻ biểu quyết không hợp lệ: 0 thẻ

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết theo các nội dung tại Đại hội:

Nội dung 1: Thông qua báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022- Nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023.

- Số phiếu biểu quyết phát ra là: 05 phiếu



- Số phiếu biểu quyết thu về là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 phiếu
- Số phiếu không có ý kiến : 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết đồng ý : 05 phiếu, đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100%.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

- Số phiếu biểu quyết phát ra là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết thu về là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 phiếu
- Số phiếu không có ý kiến : 0 phiếu.
- Số phiếu biểu quyết đồng ý : 05 phiếu, đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100%.

Nội dung 3: Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022.

- Số phiếu biểu quyết phát ra là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết thu về là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 phiếu
- Số phiếu không có ý kiến : 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết đồng ý: 05 phiếu, đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100%.

Nội dung 4: Thông qua báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa công ty giữa doanh nghiệp và người có liên quan.

- Số phiếu biểu quyết phát ra là: 04 phiếu
- Số phiếu biểu quyết thu về là: 04 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 04 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 phiếu

- Số phiếu không có ý kiến : 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết đồng ý : 04 phiếu, đại diện cho 72.044 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100 %.

Nội dung 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Số phiếu biểu quyết phát ra là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết thu về là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 phiếu
- Số phiếu không có ý kiến : 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết đồng ý: 05 phiếu, đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100%.

Nội dung 6: Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2022, người quản lý năm 2022- Đề xuất mức tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS người quản lý năm 2023.

- Số phiếu biểu quyết phát ra là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết thu về là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 phiếu
- Số phiếu không có ý kiến : 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết đồng ý : 05 phiếu, đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100%.



Nội dung 7: Thông qua báo cáo đề nghị Phê chuẩn kết quả kiện toàn nhân sự HĐQT công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

- Số phiếu biểu quyết phát ra là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết thu về là : 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 phiếu.
- Số phiếu không có ý kiến : 0 phiếu.
- Số phiếu biểu quyết đồng ý : 05 phiếu, đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100%.

Nội dung 8: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.

- Số phiếu biểu quyết phát ra là: 05 phiếu

- Số phiếu biểu quyết thu về là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 phiếu
- Số phiếu không có ý kiến : 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết đồng ý : 05 phiếu, đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100%.

Nội dung 9: Thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

- Số phiếu biểu quyết phát ra là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết thu về là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 phiếu
- Số phiếu không có ý kiến : 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết đồng ý : 05 phiếu, đại diện cho 3.195.853 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100%.

Biên bản này gồm 04 trang (bốn) trang, được lập thành 02 (hai) bản vào lúc 11 giờ 15 phút cùng ngày và đã được tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu đọc, hiểu và nhất trí với nội dung của Biên bản. Đại diện Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu ra trước Đại hội. Ban kiểm phiếu bàn giao lại toàn bộ các phiếu biểu quyết và Biên bản cho Chủ tọa Đại hội.

CÁC THÀNH VIÊN

1. Đỗ Ngọc Khánh 

2. Nguyễn Thị Nhung 

TRƯỞNG BAN



Trần Đình Lực

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ -
VINACOMIN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 4 |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | |
| - Bảng cân đối kế toán | 7 - 8 |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 9 |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 10 |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | 11 - 43 |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Đưa đón thợ mỏ thuộc Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Tập đoàn Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/12/2003. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 5700477326 ngày 04/01/2023.

2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> | |
|----------------------|-----------------------------------|-----|
| - Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT | |
| - Ông Phan Văn Cường | Ủy viên (Đến hết ngày 31/12/2022) | (i) |
| - Ông Lương Văn Hiếu | Ủy viên | |
| - Ông Vũ Mạnh Dũng | Ủy viên (Từ ngày 01/01/2023) | (i) |

Thành viên Ban Giám đốc:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|----------------------|------------------------------------|-------|
| - Ông Phan Văn Cường | Giám đốc (Đến hết ngày 31/12/2022) | (ii) |
| - Ông Vũ Mạnh Dũng | Giám đốc (Từ ngày 01/01/2023) | (iii) |
| - Ông Hoàng Minh Sơn | Phó Giám đốc | |

(i) Theo Nghị quyết họp hội đồng quản trị số 90/NQ-HĐQT ngày 28/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin về việc thay đổi thành viên hội đồng quản trị.

(ii) Theo Nghị quyết họp hội đồng quản trị số 89/NQ-ĐĐTMT ngày 28/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm cán bộ.

(iii) Theo Quyết định số 1589/QĐ-ĐĐTMT ngày 28/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin về việc bổ nhiệm cán bộ.

Thành viên Ban kiểm soát:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|-------------------------|-----------------|
| - Ông Phạm Xuân Phong | Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Ngọc Thành | Ủy viên |
| - Bà Trần Thị Thúy | Ủy viên |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 16/11/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIAM ĐỐC



VŨ MẠNH DŨNG

Số: 68 /2023/BCKT-PKFVN

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được lập ngày 17 tháng 03 năm 2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 43 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm toán nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán của chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0576-2023-242-1

Nguyễn Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0740-2023-242-1

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 37.955.475.275 | 37.963.856.408 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 1.636.338.371 | 1.683.955.239 |
| Tiền | 111 | | 1.636.338.371 | 1.683.955.239 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 24.811.085.872 | 26.578.114.367 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 21.703.667.864 | 25.204.481.756 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 189.170.100 | 181.670.100 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.3 | 2.918.247.908 | 1.191.962.511 |
| Hàng tồn kho | 140 | 5.4 | 7.591.034.590 | 6.673.032.118 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 7.591.034.590 | 6.673.032.118 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.917.016.442 | 3.028.754.684 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.8 | 3.897.945.289 | 2.804.517.650 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 19.071.153 | 57.385.446 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước | 153 | | - | 166.851.588 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 174.317.308.171 | 145.063.197.301 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 155.907.375.791 | 125.469.668.284 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.6 | 155.907.375.791 | 125.469.668.284 |
| - Nguyên giá | 222 | | 503.903.753.176 | 473.298.872.915 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (347.996.377.385) | (347.829.204.631) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 5.7 | 6.587.253.871 | 6.991.070.779 |
| - Nguyên giá | 231 | | 9.091.045.792 | 9.091.045.792 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | (2.503.791.921) | (2.099.975.013) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 568.805.601 | 568.805.601 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.5 | 568.805.601 | 568.805.601 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 11.253.872.908 | 12.033.652.637 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.8 | 11.253.872.908 | 12.033.652.637 |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 212.272.783.446 | 183.027.053.709 |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 334.970.569.701 | 288.121.015.082 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 334.970.569.701 | 288.121.015.082 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 281.901.474.944 | 239.496.342.427 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 53.069.094.757 | 48.624.672.655 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 8.816.302 | 7.415.358 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 11.183.524.278 | 8.836.401.160 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 11.183.524.278 | 8.836.401.160 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.7 | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.7 | 38.598.709.415 | 35.331.835.588 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.295.677.366 | 4.463.851.265 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.5 | 1.914.504.946 | 1.215.289.676 |
| Chi phí khác | 32 | 6.6 | 13.479 | 219.645.630 |
| Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 1.914.491.467 | 995.644.046 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 5.210.168.833 | 5.459.495.311 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.9 | 1.102.207.462 | 1.376.992.109 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | | 4.107.961.371 | 4.082.503.202 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.10 | 1.253 | 1.245 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | | |

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHAN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC



VŨ MẠNH DŨNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 5.210.168.833 | 5.459.495.311 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 23.391.812.567 | 26.844.375.016 |
| Các khoản dự phòng | 03 | - | - |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | - |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (1.824.487.414) | (1.117.436.723) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 11.183.524.278 | 8.836.401.160 |
| Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 37.961.018.264 | 40.022.834.764 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 1.972.194.376 | (2.582.751.084) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (918.002.472) | (1.351.090.763) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 1.368.684.691 | 5.658.615.167 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (313.647.910) | (3.619.121.873) |
| Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (11.183.524.278) | (8.836.401.160) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (209.156.188) | (1.328.190.089) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | 9.900.000 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (3.414.324.667) | (2.401.454.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 25.263.241.816 | 25.572.340.962 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (56.350.053.478) | (51.303.502.779) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | 1.815.671.112 | 1.110.021.365 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 8.816.302 | 7.415.358 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (54.525.566.064) | (50.186.066.056) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 115.278.034.567 | 85.894.895.077 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (86.000.931.987) | (58.072.003.185) |
| Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (62.395.200) | (1.967.878.200) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 29.214.707.380 | 25.855.013.692 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | 50 | (47.616.868) | 1.241.288.598 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 1.683.955.239 | 442.666.641 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 1.636.338.371 | 1.683.955.239 |

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHAN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THANH TÙNG



VŨ MẠNH DŨNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Đưa đón thợ mỏ thuộc Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Tập đoàn Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/12/2003. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 5700477326 ngày 04/01/2023.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: Đưa đón thợ mỏ; vận tải hành khách công cộng; sửa chữa thiết bị vận tải. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lượng cán bộ nhân viên của Công ty là 708 người, trong đó số cán bộ quản lý là 102 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2022/TT-BTC ngày 08/08/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- | | |
|-----------------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 - 35 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 5 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 10 năm |
| - Dụng cụ quản lý | 5 - 8 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư (BDS đầu tư) là toàn bộ các chi phí bằng tiền mà Công ty bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới BDS đầu tư được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi BDS đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý bất động sản đầu tư đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm. Thời gian sử dụng ước tính của BDS đầu tư được tính theo thời gian sử dụng của nhà cửa vật kiến trúc được hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Bất động sản đầu tư là các văn phòng do Công ty sở hữu và cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động.

Thời gian trích khấu hao bất động sản đầu tư của công ty như sau:

- Nhà 25 năm

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản). Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, chi phí sử dụng đường bộ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, công cụ dụng cụ phân bổ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm cước đàm thoại, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700477326 điều chỉnh lần 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày ngày 04 tháng 01 năm 2023, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

| Nhà đầu tư | Vốn điều lệ | | |
|---|-----------------------|-----------------------|-------------|
| | Theo GCNKD (VND) | Vốn thực góp (VND) | % |
| Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 32.797.970.000 | 31.238.090.000 | 100% |
| Các cổ đông khác | | 1.559.880.000 | |
| Cộng | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 | 100% |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm giá vốn dịch vụ vận chuyển, giá vốn sửa chữa phương tiện vận tải và giá vốn khác.

4.15 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- | | |
|--|------|
| - Dịch vụ cho thuê nhà | 10% |
| - Cước vận chuyển và các dịch vụ khác: | 10%. |

Từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022 Doanh thu cước vận chuyển và các dịch vụ khác của công ty áp dụng thuế suất là 8% theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của chính phủ.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong năm của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

| | | <u>31/12/2022</u> (VND) | <u>01/01/2022</u> (VND) |
|---------------------------------|------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt tại quỹ | (i) | 373.530.962 | 27.285.415 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | (ii) | 1.262.807.409 | 1.656.669.824 |
| Cộng | | <u>1.636.338.371</u> | <u>1.683.955.239</u> |

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

| | <u>Nguyên tệ</u> | <u>VND</u> |
|---------------|------------------|---------------------------|
| Đồng ngoại tệ | - | - |
| Đồng Việt Nam | | 373.530.962 |
| Cộng | | <u>373.530.962</u> |

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

| | <u>Nguyên tệ</u> | <u>VND</u> |
|---|------------------|-----------------------------|
| Ngoại tệ | - | - |
| Đồng Việt Nam | | 1.262.807.409 |
| <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả</i> | | 902.653.555 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả</i> | | 142.695.155 |
| <i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh</i> | | 135.039.779 |
| <i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh</i> | | 82.418.920 |
| Cộng | | <u>1.262.807.409</u> |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.2. Phải thu khách hàng

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 21.703.667.864 | 25.204.481.756 |
| Công ty Tuyển Than Hòn Gai | 1.041.019.818 | 2.614.176.751 |
| Công ty cổ phần than Núi Béo -Vinacomin | 1.320.021.867 | 815.599.878 |
| Công ty Than Hạ Long - TKV | 3.346.816.907 | 3.065.093.600 |
| Công ty Xây lắp mỏ - TKV | 2.315.929.795 | 3.733.704.981 |
| Công ty Than Nam Mẫu - TKV | 2.619.645.024 | 2.339.729.206 |
| Công ty Than Uông Bí - TKV | 869.472.172 | 2.044.684.482 |
| Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin | 1.870.658.122 | 1.371.253.662 |
| Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin | 664.743.137 | 2.066.947.767 |
| Công ty Than Khe Chàm - TKV | 1.083.778.912 | 386.544.496 |
| Công ty Cổ phần than Cao sơn -TKV | 1.155.241.455 | 729.880.328 |
| Đối tượng khác | 5.416.340.655 | 6.036.866.605 |
| b. Phải thu của khách hàng dài hạn | - | - |
| Cộng | 21.703.667.864 | 25.204.481.756 |

Phải thu các bên liên quan chi tiết xem Phụ lục 03.

5.3. Phải thu khác

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|----------|-----------------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a. Ngắn hạn | 2.918.247.908 | - | 1.191.962.511 | - |
| Phải thu cán bộ công nhân viên | 537.142.330 | - | 294.624.324 | - |
| Ký cược ký quỹ | 730.764.000 | - | 694.200.000 | - |
| Phí sử dụng thương hiệu Vinacomin | 606.699.463 | - | - | - |
| Phải thu khác | 1.043.642.115 | - | 203.138.187 | - |
| b. Dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 2.918.247.908 | - | 1.191.962.511 | - |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.4. Hàng tồn kho

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|-----------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 6.636.252.596 | - | 6.518.001.852 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 954.781.994 | - | 155.030.266 | - |
| Cộng | 7.591.034.590 | - | 6.673.032.118 | - |

5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|--|---------------------|---------------------|
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | |
| - Mua sắm tài sản cố định | - | - |
| - Chi phí xây dựng cơ bản | 568.805.601 | 568.805.601 |
| <i>Dự án khu nhà điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại phường Bắc Sơn, TP Uông Bí</i> | <i>568.805.601</i> | <i>568.805.601</i> |
| Cộng | 568.805.601 | 568.805.601 |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.7. Bất động sản đầu tư

| | Số đầu năm (VND) | Tăng trong năm (VND) | Giảm trong năm (VND) | Số cuối năm (VND) |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------|
| Nguyên giá BĐS đầu tư | 9.091.045.792 | - | - | 9.091.045.792 |
| Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| Nhà | 9.091.045.792 | - | - | 9.091.045.792 |
| Nhà và Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| Cơ sở hạ tầng | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 2.099.975.013 | 403.816.908 | - | 2.503.791.921 |
| Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| Nhà | 2.099.975.013 | 403.816.908 | - | 2.503.791.921 |
| Nhà và Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| Cơ sở hạ tầng | - | - | - | - |
| Giá trị còn lại của BĐS đầu tư | 6.991.070.779 | - | - | 6.587.253.871 |
| Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| Nhà | 6.991.070.779 | - | - | 6.587.253.871 |
| Nhà và Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| Cơ sở hạ tầng | - | - | - | - |

5.8. Chi phí trả trước

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | 3.897.945.289 | 2.804.517.650 |
| Công cụ dụng cụ phân bổ | - | 28.483.336 |
| Chi phí mua bảo hiểm xe ô tô | 2.312.707.685 | 1.085.581.160 |
| Chi phí sử dụng đường bộ | 442.461.894 | 306.012.117 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 1.142.775.710 | 1.384.441.037 |
| b. Dài hạn | 11.253.872.908 | 12.033.652.637 |
| Công cụ dụng cụ phân bổ | 2.687.787.318 | 3.847.276.669 |
| Chi phí sử dụng đường bộ dài hạn | 136.548.048 | 183.861.511 |
| Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định | 7.231.997.481 | 7.279.773.152 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 1.197.540.061 | 722.741.305 |
| Cộng | 15.151.818.197 | 14.838.170.287 |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.9. Vay và nợ thuê tài chính

| | 01/01/2022 (VND) | | Tăng trong năm | Giảm trong năm | 31/12/2022 (VND) | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Khả năng trả nợ | | | Giá trị | Khả năng trả nợ |
| a. Gốc vay ngắn hạn | 14.881.891.892 | 14.881.891.892 | 72.567.234.567 | 65.624.931.987 | 21.824.194.472 | 21.824.194.472 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả (1) | 6.153.689.107 | 6.153.689.107 | 32.620.244.583 | 28.006.919.589 | 10.767.014.101 | 10.767.014.101 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (2) | 8.728.202.785 | 8.728.202.785 | 39.946.989.984 | 37.618.012.398 | 11.057.180.371 | 11.057.180.371 |
| b. Gốc vay dài hạn | 98.422.000.000 | 98.422.000.000 | 42.710.800.000 | 20.376.000.000 | 120.756.800.000 | 120.756.800.000 |
| <i>Từ 5 năm đến 10 năm</i> | <i>98.422.000.000</i> | <i>98.422.000.000</i> | <i>42.710.800.000</i> | <i>20.376.000.000</i> | <i>120.756.800.000</i> | <i>120.756.800.000</i> |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả (3) | 27.704.000.000 | 27.704.000.000 | - | 8.212.000.000 | 19.492.000.000 | 19.492.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (4) | 70.718.000.000 | 70.718.000.000 | 42.710.800.000 | 12.164.000.000 | 101.264.800.000 | 101.264.800.000 |
| Cộng | 113.303.891.892 | 113.303.891.892 | 115.278.034.567 | 86.000.931.987 | 142.580.994.472 | 142.580.994.472 |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

| | 01/01/2022 (VND) | | 31/12/2022 (VND) | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Khả năng trả nợ | Giá trị | Khả năng trả nợ |
| c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC | 20.276.000.000 | 20.276.000.000 | 20.676.000.000 | 20.676.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả | 8.212.000.000 | 8.212.000.000 | 8.212.000.000 | 8.212.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh | 12.064.000.000 | 12.064.000.000 | 12.464.000.000 | 12.464.000.000 |
| d. Số dư tại thời điểm lập BCTC | 113.303.891.892 | 113.303.891.892 | 142.580.994.472 | 142.580.994.472 |
| d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c) | 35.157.891.892 | 35.157.891.892 | 42.500.194.472 | 42.500.194.472 |
| d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c) | 78.146.000.000 | 78.146.000.000 | 100.080.800.000 | 100.080.800.000 |

(1) Hợp đồng tín dụng 801005106438/2022 - HĐCVHM/NHCT302-ĐĐTĐM ngày 02/06/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay tối đa không quá 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là 10.767.014.101 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/HDNT/NTQN-VTDDĐTĐM ngày 13/05/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Thời hạn cho vay tối đa không quá 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 11.057.180.371/đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/482431/HĐTĐ ngày 11/01/2016 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 3.810.000.000 đồng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- 3) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/482431/HĐTD ngày 26/07/2019 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 7.972.000.000 đồng.
- 3) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/482431/HĐTD ngày 11/01/2016 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 7.710.000.000 đồng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/TDH/NTQN-VTDDTM ngày 13/05/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 42.610.800.000 đồng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/HDNT/NTQN-VTDDTM ngày 22/09/2020 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 27.185.000.000 đồng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01/2021/HDNT/NTQN-VTDDTM ngày 20/04/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 31.469.000.000 đồng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.10. Phải trả người bán

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|---|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Phải trả người bán ngắn hạn | 15.076.130.480 | 15.076.130.480 | 17.538.478.220 | 17.538.478.220 |
| Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh | 1.974.305.480 | 1.974.305.480 | 1.718.904.090 | 1.718.904.090 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thái Phát | - | - | 1.473.873.500 | 1.473.873.500 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ và Phân phối Toàn Cầu | 1.792.286.000 | 1.792.286.000 | - | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Hải Đăng | - | - | 1.131.916.500 | 1.131.916.500 |
| Công ty TNHH Lốp xe PT | 1.565.560.120 | 1.565.560.120 | 314.150.496 | 314.150.496 |
| Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả | 3.259.026.341 | 3.259.026.341 | 8.670.086.885 | 8.670.086.885 |
| Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Minh Quân Quảng Ninh | 1.232.513.542 | 1.232.513.542 | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vương Gia | 1.039.895.992 | 1.039.895.992 | - | - |
| Phải trả cho các đối tượng khác | 4.212.543.005 | 4.212.543.005 | 4.229.546.749 | 4.229.546.749 |
| b. Phải trả người bán dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 15.076.130.480 | 15.076.130.480 | 17.538.478.220 | 17.538.478.220 |

Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết xem Phụ lục 03.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2022 (VND) | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | 31/12/2022 (VND) |
|--|-----------------------------------|--|--------------------------------------|-----------------------------------|
| a. Phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 764.028.037 | 6.412.688.194 | 6.091.740.312 | 1.084.975.919 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 209.156.188 | 1.102.207.462 | 209.156.188 | 1.102.207.462 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 521.004.522 | 426.359.174 | 94.645.348 |
| Tiền thuế đất | - | 423.860.830 | 423.860.830 | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 3.000.252 | 3.000.252 | - |
| Cộng | 973.184.225 | 8.462.761.260 | 7.154.116.756 | 2.281.828.729 |
| b. Phải thu | | | | |
| Tiền thuế đất | 166.851.588 | 166.851.588 | - | - |
| Cộng | 166.851.588 | 166.851.588 | - | - |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.12. Chi phí phải trả

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|-------------------------------------|---------------------|---------------------|
| a. Ngắn hạn | 63.138.739 | 80.542.096 |
| Cước đàm thoại | 8.004.739 | 8.236.096 |
| Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát Công ty | 55.134.000 | 72.306.000 |
| b. Dài hạn | - | - |
| Cộng | 63.138.739 | 80.542.096 |

5.13. Phải trả khác

| | 31/12/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|---------------------------------------|---------------------|---------------------|
| a. Ngắn hạn | 358.358.542 | 591.278.162 |
| Kinh phí công đoàn | 32.439.440 | 31.956.520 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác (i) | 325.919.102 | 559.321.642 |
| b. Dài hạn | - | - |
| Cộng | 358.358.542 | 591.278.162 |

(i) Số dư chi tiết phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

| | 31/12/2022 (VND) |
|--|---------------------|
| Đoàn phí công đoàn | 55.112.231 |
| Quỹ Văn hóa Thể thao và Hoạt động Xã hội | 261.246.871 |
| Phải trả khác | 9.560.000 |
| Cộng | 325.919.102 |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ Sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|---------------------------|----------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 32.797.970.000 | 472.691.257 | 2.467.588.042 | - | 4.119.286.670 | 39.857.535.969 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 4.082.503.202 | 4.082.503.202 |
| Tăng khác | - | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn trong năm trước | - | - | - | - | - | - |
| Lỗ trong năm trước | - | - | - | - | - | - |
| Giảm khác | - | - | - | - | (4.119.286.670) | (4.119.286.670) |
| Số dư cuối năm trước/đầu năm nay | 32.797.970.000 | 472.691.257 | 2.467.588.042 | - | 4.082.503.202 | 39.820.752.501 |
| Tăng vốn trong năm | - | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm | - | - | - | - | 4.107.961.371 | 4.107.961.371 |
| Tăng khác | - | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn trong năm | - | - | - | - | - | - |
| Lỗ trong năm | - | - | - | - | - | - |
| Giảm khác (*) | - | - | - | - | (4.082.503.202) | (4.082.503.202) |
| Số dư cuối năm | 32.797.970.000 | 472.691.257 | 2.467.588.042 | - | 4.107.961.371 | 39.846.210.670 |

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 số tiền 1.311.918.800 đồng, trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 2.626.417.735 đồng, Quỹ thưởng VCQLDN 144.166.667 đồng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>31/12/2022</u> (VND) | <u>01/01/2022</u> (VND) |
|-----------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Vốn góp của Nhà nước | 31.238.090.000 | 31.238.090.000 |
| Vốn góp của đối tượng khác | 1.559.880.000 | 1.559.880.000 |
| Cộng | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |
| Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu | | |

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | <u>Năm 2022</u> (VND) | <u>Năm 2021</u> (VND) |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vốn góp của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |

Cổ phiếu

| | <u>31/12/2022</u> (VND) | <u>01/01/2022</u> (VND) |
|--|----------------------------|----------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.279.797 | 3.279.797 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.279.797 | 3.279.797 |
| Cổ phiếu phổ thông | 3.279.797 | 3.279.797 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.279.797 | 3.279.797 |
| Cổ phiếu phổ thông | 3.279.797 | 3.279.797 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: | 10.000 VND | |

Các quỹ của doanh nghiệp

| | <u>31/12/2022</u> (VND) | <u>01/01/2022</u> (VND) |
|-----------------------|----------------------------|----------------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 2.467.588.042 | 2.467.588.042 |

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 334.970.569.701 | 288.121.015.082 |
| Doanh thu dịch vụ vận chuyển | 304.633.806.563 | 265.116.687.175 |
| Doanh thu sửa chữa phương tiện vận tải | 29.122.408.412 | 21.867.858.617 |
| Doanh thu khác | 1.214.354.726 | 1.136.469.290 |

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn dịch vụ vận chuyển | 252.442.440.574 | 217.294.853.625 |
| Giá vốn sửa chữa phương tiện vận tải | 28.909.018.583 | 21.588.254.149 |
| Giá vốn khác | 550.015.787 | 613.234.653 |
| Cộng | 281.901.474.944 | 239.496.342.427 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 8.816.302 | 7.415.358 |
| Cộng | 8.816.302 | 7.415.358 |

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|--------------|-----------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay | 11.183.524.278 | 8.836.401.160 |
| Cộng | 11.183.524.278 | 8.836.401.160 |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.5 Thu nhập khác

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| | (VND) | (VND) |
| Thu thanh lý tài sản cố định | 1.815.671.112 | 1.110.021.365 |
| Các khoản khác | 98.833.834 | 105.268.311 |
| Cộng | 1.914.504.946 | 1.215.289.676 |

6.6 Chi phí khác

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|----------------------------|-----------------|--------------------|
| | (VND) | (VND) |
| Các khoản bị phạt, vi phạm | 252 | 196.451.832 |
| Các khoản khác | 13.227 | 23.193.798 |
| Cộng | 13.479 | 219.645.630 |

6.7 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | (VND) | (VND) |
| a. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 38.598.709.415 | 35.331.835.588 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 19.224.211.206 | 18.239.169.431 |
| Chi phí vật liệu | 1.703.804.725 | 1.420.594.067 |
| Chi phí công cụ dụng cụ quản lý | 25.789.000 | 49.025.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 619.654.251 | 627.876.947 |
| Thuế, phí và lệ phí | 593.712.418 | 409.994.451 |
| Chi phí mua ngoài | 3.045.837.845 | 2.905.687.584 |
| Các khoản khác | 13.385.699.970 | 11.679.488.108 |
| b. Chi phí bán hàng | - | - |
| Cộng | 38.598.709.415 | 35.331.835.588 |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|--|------------------------|------------------------|
| Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | 320.500.184.359 | 274.828.178.015 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 150.942.021.365 | 112.501.682.664 |
| Chi phí nhân công | 102.942.019.160 | 96.425.396.842 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 23.391.812.567 | 26.844.375.016 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.924.240.982 | 11.882.247.360 |
| Chi phí khác bằng tiền | 30.300.090.285 | 27.174.476.133 |
| Cộng | 320.500.184.359 | 274.828.178.015 |

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | | |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 5.210.168.833 | 5.459.495.311 |
| Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) | 116.653.479 | 336.285.630 |
| <i>Tiền lương và phụ cấp HĐQT và BKS không trực tiếp tham gia điều hành</i> | <i>116.640.000</i> | <i>116.640.000</i> |
| <i>Các khoản khác</i> | <i>13.479</i> | <i>219.645.630</i> |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 5.326.822.312 | 5.795.780.941 |
| Chuyển lỗ năm trước | - | - |
| Các khoản giảm thu nhập tính thuế | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 5.326.822.312 | 5.795.780.941 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.065.364.462 | 1.159.156.188 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm này | 36.843.000 | 217.835.921 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 1.102.207.462 | 1.376.992.109 |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2022 (VND) | Năm 2021 (VND) |
|---|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 4.107.961.371 | 4.082.503.202 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.(*) | - | - |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông. | 4.107.961.371 | 4.082.503.202 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 3.279.797 | 3.279.797 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.253 | 1.245 |

(*) Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin chưa có phương án dự kiến phân phối lợi nhuận nên lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế TNDN.

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phát sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm | Từ 1 năm trở lên | Tổng cộng |
|---------------------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Ngày 31/12/2022 | | | |
| Giá trị ghi sổ: | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.636.338.371 | - | 1.636.338.371 |
| Phải thu khách hàng | 21.703.667.864 | - | 21.703.667.864 |
| Đầu tư | - | - | - |
| Phải thu khác | 2.865.050.218 | - | 2.865.050.218 |
| Tài sản tài chính khác | - | - | - |
| Trừ: | | | |
| Dự phòng phải thu khó đòi | - | - | - |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | - | - | - |
| Tổng cộng | 26.205.056.453 | - | 26.205.056.453 |
| Các khoản vay và nợ | 42.500.194.472 | 100.080.800.000 | 142.580.994.472 |
| Phải trả người bán | 15.076.130.480 | - | 15.076.130.480 |
| Phải trả, PN khác và chi phí phải trả | 421.497.281 | - | 421.497.281 |
| Tổng cộng | 57.997.822.233 | 100.080.800.000 | 158.078.622.233 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (31.792.765.780) | (100.080.800.000) | (131.873.565.780) |
| Ngày 01/01/2022 | | | |
| Giá trị ghi sổ: | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.683.955.239 | - | 1.683.955.239 |
| Phải thu khách hàng | 25.204.481.756 | - | 25.204.481.756 |
| Đầu tư | - | - | - |
| Phải thu khác | 1.191.962.511 | - | 1.191.962.511 |
| Tài sản tài chính khác | - | - | - |
| Trừ: | | | |
| Dự phòng phải thu khó đòi | - | - | - |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | - | - | - |
| Tổng cộng | 28.080.399.506 | - | 28.080.399.506 |
| Các khoản vay và nợ | 35.157.891.892 | 78.146.000.000 | 113.303.891.892 |
| Phải trả người bán | 17.538.478.220 | - | 17.538.478.220 |
| Phải trả, PN khác và chi phí phải trả | 671.820.258 | - | 671.820.258 |
| Tổng cộng | 53.368.190.370 | - | 131.514.190.370 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (25.287.790.864) | (78.146.000.000) | (103.433.790.864) |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2022 | 01/01/2022 | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | - | - | - |
| Các khoản cho vay và phải thu | | | | |
| <i>Phải thu khách hàng</i> | 21.703.667.864 | 25.204.481.756 | 21.703.667.864 | 25.204.481.756 |
| <i>Các khoản phải thu khác</i> | 2.865.050.218 | 1.191.962.511 | 2.865.050.218 | 1.191.962.511 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | | | | |
| <i>Tiền và các khoản TĐT</i> | 1.636.338.371 | 1.683.955.239 | 1.636.338.371 | 1.683.955.239 |
| Tổng cộng | 26.205.056.453 | 28.080.399.506 | 26.205.056.453 | 28.080.399.506 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| <i>Vay và nợ</i> | 142.580.994.472 | 113.303.891.892 | 142.580.994.472 | 113.303.891.892 |
| <i>Phải trả người bán</i> | 15.076.130.480 | 17.538.478.220 | 15.076.130.480 | 17.538.478.220 |
| <i>Phải trả khác</i> | 421.497.281 | 671.820.258 | 421.497.281 | 671.820.258 |
| Tổng cộng | 158.078.622.233 | 131.514.190.370 | 158.078.622.233 | 131.514.190.370 |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

7.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ vận chuyển; hoạt động sửa chữa phương tiện vận tải và hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này). Do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.3 Thông tin về các bên có liên quan

Số dư tại ngày 31/12/2022 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Báo cáo vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua trong nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 02: Báo cáo dịch vụ vận chuyển bán trong nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 03: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn;

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc: (đơn vị VND)

| Họ tên | Chức danh | Lương thưởng Ban Giám đốc HĐQT | Thù lao của HĐQT và BKS |
|-----------------------|-------------------------|--------------------------------------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT | - | 61.680.000 |
| Ông Phan Văn Cường | Giám đốc - Ủy viên HĐQT | 346.739.000 | 52.560.000 |
| Ông Lương Văn Hiểu | Ủy viên HĐQT | 341.592.000 | - |
| Ông Vũ Mạnh Dũng | Giám đốc - Ủy viên HĐQT | 341.592.000 | - |
| Ông Hoàng Minh Sơn | Phó giám đốc | 341.592.000 | - |
| Ông Phạm Xuân Phong | Trưởng Ban kiểm soát | - | 54.960.000 |
| Ông Nguyễn Ngọc Thành | Ủy viên Ban kiểm soát | - | 47.304.000 |
| Bà Trần Thị Thúy | Ủy viên Ban kiểm soát | - | 47.304.000 |
| Tổng cộng | | 1.371.515.000 | 263.808.000 |

7.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHAN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC



VŨ MẠNH DŨNG

BÁO CÁO VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| TT | Tên đơn vị | Giá trị mua trong kỳ |
|----|--|-----------------------|
| A | B | 1 |
| 1 | Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin | 12.240.000 |
| 2 | Công ty Than Thống Nhất -TKV | 86.461.971 |
| 3 | Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - XN Vật tư Cẩm Phả | 39.322.674.953 |
| 4 | Công ty Than Quang Hanh - TKV | 4.268.760.553 |
| 5 | Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV | 700.349.360 |
| 6 | Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin | 14.400.000 |
| 7 | Trường Quản trị Kinh doanh - Vinacomin | 49.537.000 |
| 8 | Bệnh viện Than - Khoáng sản | 416.764.084 |
| 9 | Công ty Cổ Phần Than Núi Béo - Vinacomin | 70.832.418 |
| 10 | Công ty Than Nam Mẫu -TKV | 17.400.000 |
| 11 | Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin | 268.114.290 |
| 12 | Trung tâm y tế Than khu vực Mạo Khê | 8.250.000 |
| 13 | Công ty Cổ phần Tin học Công nghệ và Môi trường - Vinacomin | 295.876.089 |
| 14 | Công ty Cổ phần than Cao Sơn | 2.672.930.000 |
| 15 | Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam | 92.960.000 |
| 16 | Công ty Cổ phần Vận tải và Kinh doanh than -Vinacomin | 1.025.090.000 |
| 17 | Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp - Vinacomin - XN Thiết kế Than Hòn Gai | 363.446.834 |
| | Tổng cộng | 49.686.087.552 |

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHAN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC



VU MẠNH DŨNG

BÁO CÁO DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VNĐ

| TT | Tên đơn vị mua | Doanh thu |
|----|---|------------------------|
| | | Giá trị (VNĐ) |
| A | B | C |
| 1 | Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin | 11.414.359.335 |
| 2 | Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin | 14.738.442.676 |
| 3 | Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV | 36.326.479.714 |
| 4 | Công ty Than Thống Nhất -TKV | 424.446.000 |
| 5 | Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin | 22.098.961.500 |
| 6 | Công ty Than Khe Chàm - TKV | 24.196.287.400 |
| 7 | Công ty Than Dương Huy - TKV | 31.508.299.309 |
| 8 | Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin | 1.030.746.747 |
| 9 | Công ty Than Quang Hanh -TKV | 6.894.754.900 |
| 10 | Công ty Cổ phần Vật tư - TKV | 682.525.080 |
| 11 | Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin | 3.535.147.768 |
| 12 | Công ty Xây lắp mỏ - TKV | 7.694.367.088 |
| 13 | Công ty Than Hạ Long -TKV | 34.569.381.613 |
| 14 | Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin | 8.073.500.236 |
| 15 | Công ty Than Nam Mẫu - TKV | 27.062.836.629 |
| 16 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 634.200.000 |
| 17 | Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin | 1.336.797.000 |
| 18 | Công ty Than Uông Bí - TKV | 29.003.343.445 |
| 19 | Công ty Than Mạo Khê - TKV | 1.706.583.000 |
| 21 | Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV | 4.129.360.967 |
| 22 | Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin | 10.740.268.343 |
| 23 | Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin | 20.409.107.500 |
| 25 | Công ty Than Hòn Gai - TKV | 7.725.150.000 |
| 24 | Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin | 12.627.970.984 |
| 26 | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin | 4.812.700.379 |
| 25 | Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV | 91.916.875 |
| 27 | Công ty Cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin | 5.761.027.828 |
| | Tổng cộng | 329.228.962.316 |

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ NHUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC



VŨ MẠNH DŨNG

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| STT | Tên đơn vị | Các khoản công nợ | | | |
|-----------|---|-----------------------|---------|----------------------|---------|
| | | 131 | | 331 | |
| | | Ngắn hạn | Dài hạn | Ngắn hạn | Dài hạn |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
| I | CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU | 21.514.652.300 | - | - | - |
| 1 | Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin | 57.491.415 | - | - | - |
| 2 | Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin | 350.607.989 | - | - | - |
| 3 | Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV | 1.155.241.455 | - | - | - |
| 4 | Công ty Than Thống Nhất - TKV | 419.326 | - | - | - |
| 5 | Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin | 664.743.137 | - | - | - |
| 6 | Công ty Than Khe Chàm - TKV | 1.083.778.912 | - | - | - |
| 7 | Công ty Than Dương Huy - TKV | 867.615.180 | - | - | - |
| 8 | Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin | 807.235.357 | - | - | - |
| 9 | Công ty Than Quang Hanh -TKV | 58.459.058 | - | - | - |
| 10 | Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin | 481.717.273 | - | - | - |
| 11 | Công ty Xây lắp mỏ - TKV | 2.315.929.795 | - | - | - |
| 12 | Công ty Than Hạ Long -TKV | 3.346.816.907 | - | - | - |
| 13 | Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin | 418.449.240 | - | - | - |
| 14 | Công ty Than Nam Mẫu - TKV | 2.619.645.024 | - | - | - |
| 15 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 73.386.000 | - | - | - |
| 16 | Công ty Than Uông Bí - TKV | 869.472.172 | - | - | - |
| 17 | Công ty Than Mạo Khê - TKV | 172.980.360 | - | - | - |
| 18 | Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV | 232.332.375 | - | - | - |
| 19 | Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin | 1.041.019.818 | - | - | - |
| 20 | Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin | 1.870.658.122 | - | - | - |
| 21 | Công ty Than Hòn Gai - TKV | 746.809.040 | - | - | - |
| 22 | Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin | 256.376.570 | - | - | - |
| 23 | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin | 1.320.021.867 | - | - | - |
| 24 | Công ty Cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả - | 659.995.240 | - | - | - |
| 25 | Công ty Chế biến than Quảng Ninh - TKV | 43.450.668 | - | - | - |
| II | CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ | - | - | 4.219.061.405 | - |
| 1 | Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả | - | - | 3.259.026.341 | - |
| 2 | Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ Môi trường - Vinacomin | - | - | 320.254.135 | - |
| 3 | Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV | - | - | 408.479.830 | - |
| 4 | Bệnh viện Than - Khoáng sản | - | - | 42.571.394 | - |
| 5 | Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin | - | - | 188.729.705 | - |

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ NHUNG



ĐỖ THANH TÙNG




VŨ MẠNH DŨNG